

BẢNG PHÂN TÍCH NHU CẦU TÀI CHÍNH

A-Thông tin chung

1. Thông tin cá nhân:

Họ tên Bên mua bảo hiểm:Chị A

Ngày sinh:24/01/1990

Giới tính:☐ Nam ☒ Nữ

Tình trạng hôn nhân:☐ Độc thân ☒ Đã kết hôn

Nghề nghiệp:Giáo viên giảng viên đại học

2. Khả năng tài chính

Thu nhập Bên mua bảo hiểm theo tháng:30 triệu VNĐ

Thu nhập Bên mua bảo hiểm theo năm:360 triệu VNĐ

Thu nhập cả gia đình theo tháng:60 triệu VNĐ

Thu nhập cả gia đình theo năm:720 triệu VNĐ

Số tiền dành cho BHNT trên thu nhập cả gia đình theo năm:100 triệu VNĐ

Thời gian dự định đóng phí BHNT:99 năm

Nguồn thu nhập của Bên mua bảo hiểm từ:Thu nhập thường xuyên

B-Nhu cầu của quý khách và kế hoạch tài chính

Nhu cầu trọng tâm		Nhu cầu Quý khách quan tâm	Số tiền cần thiết ước tính (A) VNĐ	Khoản tiết kiệm/ Đầu tư/ hợp đồng bảo hiểm hiện có cho nhu cầu này (B) VNĐ	Khoản chênh lệch tối thiểu cần bảo hiểm (C=A-B) VNĐ
Bảo vệ tài chính	Rủi ro tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn	☒	1.000.000.000	0	1.000.000.000
	Rủi ro tai nạn	☐			
	Rủi ro bệnh hiểm nghèo	☐			
Tiết kiệm/Tích lũy tài chính	Kế hoạch học vấn của con	☐			
	Kế hoạch cho tuổi hưu an nhàn	☐			
Đầu tư	Đầu tư an toàn với lãi suất đảm bảo	☐			
	Đầu tư linh hoạt với lợi nhuận/rủi ro không đảm bảo	☐			

Nhu cầu gia tăng thêm bảo vệ cho bản thân và gia đình				
Chăm sóc sức khỏe	☒	1.000.000.000	0	1.000.000.000
Bệnh hiểm nghèo	☒	1.000.000.000	0	1.000.000.000
Tử vong, tai nạn, thương tật	☒	1.000.000.000	0	1.000.000.000

C-Gợi ý sản phẩm

Tên sản phẩm chính	Lý do đề xuất
VLM1-Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung PRU Bảo Vệ Tối Đa 2.0	Khách hàng có nhu cầu: Bảo vệ tối đa trên mỗi đồng phí

D-Xác nhận của khách hàng

☒ Tôi xác nhận:

- Tư vấn viên đã thực hiện phân tích nhu cầu tài chính cho tôi.

- Tôi đã đọc và hoàn toàn hiểu rõ toàn bộ Bảng phân tích nhu cầu tài chính này.

- Tôi xác nhận những thông tin được cung cấp trên đây là chính xác, đầy đủ và tôi hiểu rằng việc cung cấp các thông tin không chính xác và đầy đủ sẽ ảnh hưởng đến kết quả của việc phân tích nhu cầu tài chính.

- Tôi quyết định lựa chọn sản phẩm phù hợp với nhu cầu tài chính của tôi theo như gợi ý của Tư vấn viên. Các thông tin tài chính được cung cấp tại tài liệu này sẽ là cơ sở để tôi chọn lựa gói sản phẩm và số tiền bảo hiểm như được thể hiện chi tiết tại Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm liên quan.

Xác nhận của BMBH (Mã xác thực OTP) Ngày: Họ và tên: Chị A Số điện thoại:	Xác nhận của TVV (Mã xác thực OTP) 60000012 Ngày: 19/06/2026 10:07:20 Họ và tên: NGUYỄN VĂN AB Mã số: 60000012
---	---

*Lưu ý: Bảng phân tích này chỉ nhằm mục đích tìm hiểu nhu cầu và khả năng tài chính của Khách hàng khi tham gia bảo hiểm nhân thọ thông qua các sản phẩm bảo hiểm của Prudential Việt Nam. Số tiền được thể hiện qua phân tích này chỉ mang tính tương đối, không phản ánh chính xác số tiền thực tế cần phải có trong tương lai. Quý khách nên thường xuyên xem lại phân tích này với chuyên viên Tư vấn tài chính của Prudential Việt Nam, đặc biệt là khi có sự thay đổi về nhu cầu hoặc điều kiện kinh tế khác.

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung **PRU**Bảo Vệ Tối Đa 2.0

Kế Hoạch Bảo Hiểm Nâng Cao

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung 2026 của Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam

Nghịệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam; Giấy phép: 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp; Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính Vốn điều lệ: 7.697,75 tỷ đồng; Trụ sở chính: Tầng 17, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 8 đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh; Email của Bộ phận dịch vụ khách hàng: customer.service@prudential.com.vn Điện thoại: (028) 39100999; Hotline: 1800 1 247 Website: https://www.prudential.com.vn/vi/ Trung tâm chăm sóc Khách Hàng: https://www.prudential.com.vn/vi/ve-chung-toi/lien-he/	THÔNG TIN TƯ VẤN VIÊN Họ và tên: NGUYỄN VĂN AB Mã số đại lý: 60000012 Điện thoại: 0999999999 Địa chỉ liên hệ: Newwwwww
--	---

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung **PRU**Bảo Vệ Tối Đa 2.0 (**PRU**Bảo Vệ Tối Đa 2.0) - giải pháp bảo hiểm đồng hành cùng khách hàng tạo dựng kế hoạch tài chính mang đến sự an tâm bảo vệ trước các rủi ro và tích lũy vững bền cho các ước mơ tương lai.

Bảo vệ đa tầng với Quyền lợi Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính lên đến 1.100.000.000 đồng (*) + Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng và các Quyền lợi bảo vệ gia tăng tùy chọn với chi phí hợp lý	Tích lũy tài chính bền vững với lãi suất cam kết cùng các khoản thưởng hấp dẫn	Chủ động thực hiện các mục tiêu tài chính với quyền lợi linh hoạt đa dạng
--	---	--

(*) Chi tiết quyền lợi vui lòng tham khảo tại Mục II.1.A

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM (HĐBH)	5
II. THÔNG TIN CHI TIẾT	9
1. QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM PRUBảo Vệ Tối Đa 2.0	9
2. QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM BÁN CÙNG	11
3. ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM	18
4. GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ VÀ CÁC CHI PHÍ LIÊN QUAN	20
5. MÔ TẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG	22
III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH	23
1. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC (4 NĂM)	23
1.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng	
1.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu	24
1.3. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 3,5%/năm	25
1.4. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 4,75%/năm	26
2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM THEO THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (20 NĂM)	27
2.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng	
2.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu	29
2.3. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 3,5%/năm	31
2.4. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 4,75%/năm	33
3. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM THEO THỜI HẠN HỢP ĐỒNG (64 NĂM)	35
3.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng	
3.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu	38
IV. MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG	42
XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN VIÊN VÀ BÊN MUA BẢO HIỂM	43



I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM (HĐBH)

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Nghề nghiệp	Tăng phí	Lý do tăng phí	CCCD/Hộ chiếu/ Khai sinh số
Bên mua bảo hiểm (BMBH):	Chị A	Nữ	36				
Người được bảo hiểm chính (NĐBH chính):	Chị A	Nữ	36	Giáo viên giảng viên đại học	Không		
Người được bảo hiểm bổ sung 1 (NĐBHBS 1):	Anh T	Nam	38	Nhân viên văn phòng không giao dịch bên ngoài	Không		
Người được bảo hiểm bổ sung 2 (NĐBHBS 2):	Bé L	Nữ	7	Sinh viên, học sinh	Không		
Địa chỉ liên hệ:							

Đơn vị tính: đồng

THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHÍNH	Người Được Bảo Hiểm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí dự kiến (năm)	Số Tiền Bảo Hiểm	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản (năm)
PRU Bảo Vệ Tối Đa 2.0 - Kế Hoạch Bảo Hiểm Nâng Cao	Chị A	64	20 ^(*)	1.000.000.000	12.940.000

THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM BÁN CÙNG			Người Được Bảo Hiểm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí (năm)	Số Tiền Bảo Hiểm	Phí bảo hiểm (năm)
1	HCR3	PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE (a) - Chương trình Chăm sóc Cơ bản	Chị A	Gia hạn hàng năm	Gia hạn hàng năm	-	1.482.000
2	CIR9	* Quyền lợi Điều trị Nội trú		30	30	200.000.000	1.530.000
3	CIW9	Bảo Hiểm Bệnh Lý Nghiêm Trọng		30	30	-	728.000
4	CIR9	Bảo Hiểm Hỗ Trợ Đóng Phí Bệnh Lý Nghiêm Trọng	Anh T	30	30	200.000.000	2.088.000
5	CIW9	Bảo Hiểm Bệnh Lý Nghiêm Trọng		30	30	-	967.000
6	HCR3	PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE (a) - Chương trình Chăm sóc Cơ bản	Bé L	Gia hạn hàng năm	Gia hạn hàng năm	-	1.164.000
		* Quyền lợi Điều trị Nội trú					

Tổng Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm của (các) Sản Phẩm Bảo Hiểm Bán Cùng:

20.899.000

Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm dự kiến trong lần đầu tiên:

-

	Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
Phí Bảo Hiểm Cơ Bản (a):	12.940.000	6.470.000	3.235.000	1.078.000
Phí Bảo Hiểm của (các) Sản Phẩm Bảo Hiểm Bán Cùng (b):	7.959.000	4.221.900	2.186.100	764.800
Tổng Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và (các) Phí bảo hiểm của (các) Sản Phẩm Bảo Hiểm Bán Cùng theo định kỳ (c) = (a) + (b):	20.899.000	10.691.900	5.421.100	1.842.800
Phương thức đóng phí bảo hiểm:	Tiền mặt			
Định kỳ đóng phí dự kiến:	Năm			

Ghi chú:

- Phí bảo hiểm được trình bày trên đây là phí tính cho người có sức khỏe trung bình theo tiêu chuẩn của Prudential. Phí bảo hiểm thực tế sẽ dựa trên kết quả thẩm định của Prudential.
- Thời hạn đóng phí bắt buộc của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính là 4 Năm Hợp Đồng đầu tiên. Trong 4 năm này, HĐBH sẽ bị mất hiệu lực nếu Phí Bảo Hiểm Cơ Bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn. BMBH có thể đóng phí theo Thời hạn đóng phí dự kiến trong bảng minh họa hoặc linh hoạt đóng phí (đóng toàn bộ, đóng một phần hoặc tạm ngưng) tùy theo nhu cầu kể từ Năm Hợp Đồng thứ 5 theo quy định trong Quy Tắc và Điều Khoản của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính. Việc đóng một phần/tạm ngưng đóng phí trong thời gian dài có thể ảnh hưởng đến quyền lợi bảo hiểm và HĐBH có thể bị mất hiệu lực nếu Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng không đủ để trả Phí Rủi Ro và/hoặc Phí Quản Lý Hợp Đồng.
- (*) Thời hạn đóng phí dự kiến: là thời hạn BMBH dự định đóng Phí Bảo Hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính. Thời hạn đóng phí dự kiến có thể ngắn hơn hoặc bằng Thời hạn đóng phí theo quy định của sản phẩm, tùy theo khả năng và nhu cầu tài chính của BMBH.
- Sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE sẽ được tự động gia hạn hàng năm cho đến khi NĐBH tròn 70 tuổi hoặc thời hạn đóng phí của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính chấm dứt, áp dụng thời điểm nào đến trước. Phí Bảo Hiểm trên chỉ được áp dụng cho Năm Hợp Đồng đầu tiên. Chi tiết về Phí Bảo Hiểm trong những Năm Hợp Đồng tiếp theo được thể hiện trong bảng "Minh họa phí bảo hiểm hàng năm theo độ tuổi của Sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE".
- Sản Phẩm Bảo Hiểm Bán Cùng, nếu có, là không bắt buộc, Khách hàng được chọn mua theo nhu cầu. Việc tham gia Sản Phẩm Bảo Hiểm Bán Cùng sẽ không ảnh hưởng tới Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng. Sản Phẩm Bảo Hiểm Bán Cùng không được hưởng quyền lợi Thương Tri Ân Khách Hàng và quyền lợi Thương Duyệt Trì Hợp Đồng.
- Định kỳ đóng phí tháng không được áp dụng tại thời điểm phát hành hợp đồng. Sau khi HĐBH được phát hành, BMBH có quyền yêu cầu chuyển đổi sang định kỳ đóng phí tháng với hình thức đóng phí ủy nhiệm thu.



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm:

Chị A - Ký tên:
Chị A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

10021450/510056816
NGUYỄN VĂN AB

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 -VLM1
19/06/2026 10:07:42

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

MINH HỌA PHÍ BẢO HIỂM HÀNG NĂM THEO ĐỘ TUỔI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỒ TRỢ PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE

Đơn vị tính: đồng

NDBH	Chị A	NDBH	Bé L
Tuổi của NDBH	Phí Bảo hiểm	Tuổi của NDBH	Phí Bảo hiểm
36	1.482.000	7	1.164.000
37-39	1.482.000	8-9	1.164.000
40-44	1.596.000	10-14	1.038.000
45-49	1.781.000	15-19	1.038.000
50-54	2.068.000	20-24	1.101.000
55-59	3.161.000	25-29	1.379.000
60-64	4.387.000	30-34	1.379.000
65-69	6.102.000	35-39	1.482.000
		40-44	1.596.000
		45-49	1.781.000
		50-54	2.068.000
		55-59	3.161.000
		60-64	4.387.000
		65-69	6.102.000

Ghi chú:

- Đối với NDBH Chị A, Sản phẩm bảo hiểm bồi trợ PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE sẽ được tự động gia hạn hàng năm, tối đa trong 34 năm.
- Đối với NDBH Bé L, Sản phẩm bảo hiểm bồi trợ PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE sẽ được tự động gia hạn hàng năm, tối đa trong 63 năm.

Trong thời hạn hiệu lực của HĐBH, Prudential được phép thay đổi phí bảo hiểm của sản phẩm bồi trợ này tùy thuộc vào tình hình lạm phát chi phí y tế và/hoặc số liệu chi trả bồi thường thực tế của Prudential; theo sự chấp thuận của Bộ Tài chính tại từng thời điểm.

Mức phí bảo hiểm sau khi điều chỉnh sẽ được thông báo bằng văn bản cho BMBH trong vòng 3 tháng trước khi áp dụng và sẽ có hiệu lực vào ngày gia hạn tiếp theo của sản phẩm bồi trợ.

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

1. QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM PRUBảo Vệ Tối Đa 2.0

A. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM RỦI RO

NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM CHÍNH	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH)	ĐIỀU KIỆN VÀ GHI CHÚ LIÊN QUAN
Dành cho Người được bảo hiểm chính: Chị A			
Chị A	Tử vong hoặc Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn (TTTBVV) Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm	Kế Hoạch Bảo Hiểm Nâng Cao: Số tiền bảo hiểm (1.000.000.000 đồng) và Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản, cộng với Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm (nếu có), tính tại thời điểm tử vong của NDBH hoặc thời điểm được chứng nhận TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm.	QLBH Tử Vong sẽ được chi trả nếu trước đó chưa có yêu cầu chi trả QLBH TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm. Sau khi một trong hai quyền lợi này được chi trả, HDBH sẽ chấm dứt hiệu lực.
			Kể từ Ngày Kỷ Niệm Năm Hợp Đồng ngay sau sinh nhật lần thứ 71 của NDBH, QLBH TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm sẽ kết thúc và Phí Rủi Ro của QLBH này sẽ dừng khấu trừ tương ứng.
			Kế Hoạch Bảo Hiểm Nâng Cao sẽ được tự động chuyển về Kế Hoạch Bảo Hiểm Cơ Bản vào Ngày Kỷ Niệm Năm Hợp Đồng ngay sau sinh nhật lần thứ 71 của NDBH.
	TTTBVV Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm	100 triệu đồng, được tính bằng giá trị nhỏ hơn giữa: 10% Số Tiền Bảo Hiểm, và 100 triệu đồng.	QLBH TTTBVV Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm được áp dụng 01 lần trong suốt Thời Hạn Hợp Đồng. HDBH tiếp tục duy trì hiệu lực sau khi QLBH này được chi trả và Phí Rủi Ro của QLBH này sẽ dừng khấu trừ tương ứng. NDBH sẽ tiếp tục được bảo vệ cho QLBH Tử Vong, hoặc QLBH TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm. Mức chi trả tối đa trên tất cả (các) HDBH có cùng Quyền Lợi Bảo Hiểm TTTBVV Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm, áp dụng cho cùng một NDBH: 100 triệu đồng hoặc nếu có bất kỳ HDBH nào quy định mức chi trả cao hơn cho quyền lợi này, thì sẽ áp dụng mức cao nhất đó. Kể từ Ngày Kỷ Niệm Năm Hợp Đồng ngay sau sinh nhật lần thứ 71 của NDBH, QLBH TTTBVV Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm sẽ kết thúc và Phí Rủi Ro của QLBH này sẽ dừng khấu trừ tương ứng.

B. QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

QUYỀN LỢI	SỰ KIỆN	QUYỀN LỢI	ĐIỀU KIỆN VÀ GHI CHÚ LIÊN QUAN					
HƯỞNG LÃI TỪ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG	Theo định kỳ hàng tháng	BMBH được hưởng kết quả đầu tư tương ứng với Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng.	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng sẽ được tính lãi hàng tháng theo mức lãi suất đầu tư do Prudential công bố dựa vào lãi suất đầu tư công bố của Quỹ Liên Kết Chung và lãi suất đầu tư công bố này sẽ không thấp hơn Lãi Suất Đầu Tư Cam Kết Tối Thiểu.					
			Năm hợp đồng	1	2-3	4-7	8-15	16+
			Lãi Suất Đầu Tư Cam Kết Tối Thiểu (%/năm)	3,5%	3,0%	2,5%	2,0%	1,0%
QUYỀN LỢI ĐÁO HẠN	Kết thúc thời hạn hợp đồng	100% Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng	Vào Ngày Đáo Hạn Hợp Đồng, nếu HĐBH còn hiệu lực đến hết ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm.					

C. QUYỀN LỢI THƯỜNG KHÁC NHẢM GIA TĂNG GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN

QUYỀN LỢI	SỰ KIỆN	CHI TIẾT QUYỀN LỢI	ĐIỀU KIỆN VÀ GHI CHÚ LIÊN QUAN
THƯỞNG TRI ÂN KHÁCH HÀNG	Vào Ngày Kỷ Niệm Năm Hợp Đồng thứ 10	- 150% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm của Năm Hợp Đồng đầu tiên sẽ được chi trả vào Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản. - Thời gian xét thưởng là 10 Năm Hợp Đồng liên tục đầu tiên tính từ Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng.	(a) HĐBH có hiệu lực tại thời điểm chi trả quyền lợi này; và (b) Phí Bảo Hiểm Cơ Bản được đóng đầy đủ trong mỗi Năm Hợp Đồng; và (c) Không có giao dịch rút Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản trong suốt mỗi thời gian xét Thưởng Tri Ân Khách Hàng; và (d) BMBH không giảm Số Tiền Bảo Hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính trong suốt mỗi thời gian xét Thưởng Tri Ân Khách Hàng.
	Vào Ngày Kỷ Niệm Năm Hợp Đồng thứ 15 và mỗi 5 năm sau đó	- 75% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm của Năm Hợp Đồng đầu tiên sẽ được chi trả vào Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản. - Thời gian xét thưởng là 5 Năm Hợp Đồng bắt đầu từ Năm Hợp Đồng thứ 11 đến hết Năm Hợp Đồng thứ 15 và mỗi 5 Năm Hợp Đồng liên tục liên sau đó.	
THƯỞNG DUY TRÌ HỢP ĐỒNG	Vào Ngày Kỷ Niệm Năm Hợp Đồng thứ 20 và mỗi 5 năm sau đó	4% Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản trung bình trong 60 tháng liền kề trước đó sẽ được chi trả vào Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản.	HĐBH phải đang có hiệu lực tại thời điểm chi trả quyền lợi này.
		4% Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm (nếu có) trung bình trong 60 tháng liền kề trước đó sẽ được chi trả vào Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm.	

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

2. QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM BÁN CÙNG

Đơn vị tính: đồng

SẢN PHẨM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	CHI TIẾT QUYỀN LỢI	ĐIỀU KIỆN VÀ GHI CHÚ LIÊN QUAN
Người được bảo hiểm chính: Chị A			
1	Bảo hiểm hỗ trợ PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE	Chương trình Chăm sóc Cơ bản	Quyền lợi Điều trị Nội trú
2	Bảo Hiểm Bệnh Lý Nghiêm Trọng	Chẩn đoán mắc Bệnh Lý Nghiêm Trọng giai đoạn đầu (57 bệnh thuộc 6 nhóm bệnh)	60.000.000 đồng /1 lần chi trả - Chi trả một lần cho mỗi nhóm bệnh. - Tổng quyền lợi bảo hiểm này của tất cả các hợp đồng bảo hiểm không vượt quá 500.000.000 đồng /1 lần chi trả cho mỗi Bệnh Lý Nghiêm Trọng giai đoạn đầu. - Tổng quyền lợi bảo hiểm Bệnh Lý Nghiêm Trọng Giai Đoạn Đầu và quyền lợi bảo hiểm Bệnh Lý Nghiêm Trọng Giai Đoạn Sau không vượt quá 600.000.000 đồng.
		Chẩn đoán mắc Bệnh Lý Nghiêm Trọng giai đoạn sau (69 bệnh thuộc 6 nhóm bệnh)	200.000.000 đồng trừ đi Quyền lợi Bệnh Lý Nghiêm Trọng giai đoạn đầu của cùng nhóm bệnh đã chi trả trước đó - Chi trả một lần cho mỗi nhóm bệnh. - Tổng quyền lợi bảo hiểm Bệnh Lý Nghiêm Trọng Giai Đoạn Đầu và quyền lợi bảo hiểm Bệnh Lý Nghiêm Trọng Giai Đoạn Sau không vượt quá 600.000.000 đồng.
		Chẩn đoán mắc 1 trong 3 Bệnh Lý Nghiêm Trọng phổ biến (Giai đoạn sau)	100.000.000 đồng - Chi trả một lần trong suốt thời hạn bảo hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Bán Cùng này. 3 Bệnh Lý Nghiêm Trọng giai đoạn sau phổ biến: Ung thư đe dọa tính mạng, Nhồi máu cơ tim và Đột quy.
		Chẩn đoán mắc 1 trong các Bệnh Lý Nghiêm Trọng đặc biệt	20.000.000 đồng - Chi trả một lần trong suốt thời hạn bảo hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Bán Cùng này. - Bệnh Lý Nghiêm Trọng đặc biệt gồm: Biến chứng tiểu đường và Bệnh Lý Nghiêm Trọng giai đoạn sau theo giới tính.

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

2. QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM BÁN CÙNG

Đơn vị tính: đồng

SẢN PHẨM		QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	CHI TIẾT QUYỀN LỢI	ĐIỀU KIỆN VÀ GHI CHÚ LIÊN QUAN
Người được bảo hiểm chính: Chị A				
3	Bảo Hiểm Hỗ Trợ Đóng Phí Bệnh Lý Nghiêm Trọng	Chẩn đoán mắc Bệnh Lý Nghiêm Trọng giai đoạn đầu (54 bệnh)	Prudential sẽ chi trả số tiền bằng tổng 2 năm phí bảo hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Được Hỗ Trợ Đóng Phí đang còn hiệu lực. Quyền lợi này được chi trả một lần trong suốt thời hạn bảo hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Bán Cùng này.	Sản Phẩm Bảo Hiểm Được Hỗ Trợ Đóng Phí bao gồm: 1. Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính; và 2. Các Sản Phẩm Bảo Hiểm Bán Cùng khác thỏa điều kiện: - Không là sản phẩm bảo hiểm gia hạn hàng năm; và - Không có quyền lợi hỗ trợ đóng phí hoặc miễn đóng phí; và - Có thời hạn đóng phí từ 05 năm trở lên nếu Sản Phẩm Bán Cùng tham gia cùng lúc hoặc sau thời điểm tham gia Bảo Hiểm này; hoặc có thời hạn đóng phí còn lại từ 05 năm trở lên tại thời điểm tham gia Bảo Hiểm này.
		Chẩn đoán mắc Bệnh Lý Nghiêm Trọng giai đoạn sau (62 bệnh)	Prudential sẽ đóng phí bảo hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Được Hỗ Trợ Đóng Phí đang còn hiệu lực, kể từ ngày đến hạn đóng phí của các bảo hiểm này sau khi Người Được Bảo Hiểm được Chẩn Đoán mắc Bệnh Lý Nghiêm Trọng Giai Đoạn Sau; cho đến khi (i) Thời Hạn Bảo Hiểm của Bảo Hiểm này kết thúc, hoặc (ii) Hợp Đồng Bảo Hiểm chấm dứt hiệu lực, tùy trường hợp nào xảy ra trước.	

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

2. QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM BÁN CÙNG

Đơn vị tính: đồng

SẢN PHẨM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	CHI TIẾT QUYỀN LỢI	ĐIỀU KIỆN VÀ GHI CHÚ LIÊN QUAN
Người được bảo hiểm bổ sung: Anh T			
4	Bảo Hiểm Bệnh Lý Nghiêm Trọng	Chẩn đoán mắc Bệnh Lý Nghiêm Trọng giai đoạn đầu (57 bệnh thuộc 6 nhóm bệnh)	60.000.000 đồng /1 lần chi trả - Chi trả một lần cho mỗi nhóm bệnh. - Tổng quyền lợi bảo hiểm này của tất cả các hợp đồng bảo hiểm không vượt quá 500.000.000 đồng /1 lần chi trả cho mỗi Bệnh Lý Nghiêm Trọng giai đoạn đầu. - Tổng quyền lợi bảo hiểm Bệnh Lý Nghiêm Trọng Giai Đoạn Đầu và quyền lợi bảo hiểm Bệnh Lý Nghiêm Trọng Giai Đoạn Sau không vượt quá 600.000.000 đồng.
		Chẩn đoán mắc Bệnh Lý Nghiêm Trọng giai đoạn sau (69 bệnh thuộc 6 nhóm bệnh)	200.000.000 đồng trừ đi Quyền lợi Bệnh Lý Nghiêm Trọng giai đoạn đầu của cùng nhóm bệnh đã chi trả trước đó - Chi trả một lần cho mỗi nhóm bệnh. - Tổng quyền lợi bảo hiểm Bệnh Lý Nghiêm Trọng Giai Đoạn Đầu và quyền lợi bảo hiểm Bệnh Lý Nghiêm Trọng Giai Đoạn Sau không vượt quá 600.000.000 đồng.
		Chẩn đoán mắc 1 trong 3 Bệnh Lý Nghiêm Trọng phổ biến (Giai đoạn sau)	100.000.000 đồngChi trả một lần trong suốt thời hạn bảo hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Bán Cùng này. 3 Bệnh Lý Nghiêm Trọng giai đoạn sau phổ biến: Ung thư đe dọa tính mạng, Nhồi máu cơ tim và Đột quy.
		Chẩn đoán mắc 1 trong các Bệnh Lý Nghiêm Trọng đặc biệt	20.000.000 đồngChi trả một lần trong suốt thời hạn bảo hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Bán Cùng này. Bệnh Lý Nghiêm Trọng đặc biệt gồm: Biến chứng tiểu đường và Bệnh Lý Nghiêm Trọng giai đoạn sau theo giới tính.

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

2. QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM BÁN CÙNG

Đơn vị tính: đồng

SẢN PHẨM		QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	CHI TIẾT QUYỀN LỢI	ĐIỀU KIỆN VÀ GHI CHÚ LIÊN QUAN
Người được bảo hiểm bổ sung: Anh T				
5	Bảo Hiểm Hỗ Trợ Đóng Phí Bệnh Lý Nghiêm Trọng	Chẩn đoán mắc Bệnh Lý Nghiêm Trọng giai đoạn đầu (54 bệnh)	Prudential sẽ chi trả số tiền bằng tổng 2 năm phí bảo hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Được Hỗ Trợ Đóng Phí đang còn hiệu lực. Quyền lợi này được chi trả một lần trong suốt thời hạn bảo hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Bán Cùng này.	Sản Phẩm Bảo Hiểm Được Hỗ Trợ Đóng Phí bao gồm: 1. Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính; và 2. Các Sản Phẩm Bảo Hiểm Bán Cùng khác thỏa điều kiện: - Không là sản phẩm bảo hiểm gia hạn hàng năm; và - Không có quyền lợi hỗ trợ đóng phí hoặc miễn đóng phí; và - Có thời hạn đóng phí từ 05 năm trở lên nếu Sản Phẩm Bán Cùng tham gia cùng lúc hoặc sau thời điểm tham gia Bảo Hiểm này; hoặc có thời hạn đóng phí còn lại từ 05 năm trở lên tại thời điểm tham gia Bảo Hiểm này.
		Chẩn đoán mắc Bệnh Lý Nghiêm Trọng giai đoạn sau (62 bệnh)	Prudential sẽ đóng phí bảo hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Được Hỗ Trợ Đóng Phí đang còn hiệu lực, kể từ ngày đến hạn đóng phí của các bảo hiểm này sau khi Người Được Bảo Hiểm được Chẩn Đoán mắc Bệnh Lý Nghiêm Trọng Giai Đoạn Sau; cho đến khi (i) Thời Hạn Bảo Hiểm của Bảo Hiểm này kết thúc, hoặc (ii) Hợp Đồng Bảo Hiểm chấm dứt hiệu lực, tùy trường hợp nào xảy ra trước.	
Người được bảo hiểm bổ sung: Bé L				
6	Bảo hiểm bổ trợ PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE	Chương trình Chăm sóc Cơ bản	Quyền lợi Điều trị Nội trú	

Ghi chú:

• Chi tiết về quyền lợi và điều khoản loại trừ của (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên được quy định cụ thể trong Quy Tắc và Điều Khoản Sản Phẩm được công khai tại địa chỉ website <https://www.prudential.com.vn/> hoặc Quy Tắc và Điều Khoản được Prudential Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

2. QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM BÁN CÙNG

Thông tin quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE

Prudential sẽ chi trả các Chi phí y tế theo các Quyền lợi bảo hiểm theo các Giới hạn phụ được quy định tại Bảng chi tiết Quyền lợi bảo hiểm nếu NĐBH phải Điều trị tại Bệnh viện hoặc Phòng khám và trong Phạm vi địa lý được áp dụng đối với những quyền lợi này.

QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ

(Thời gian chờ 30 ngày (*))

Đơn vị tính: đồng	
Chương trình bảo hiểm	Chương trình Chăm sóc Cơ bản
Phạm vi địa lý	Việt Nam
Giới hạn tối đa hàng năm	100.000.000/năm
Quyền lợi gia tăng	Không áp dụng
Điều trị ung thư Chi phí Điều Trị Nội Trú; Điều Trị Ngoại Trú (áp dụng cho xạ trị, hóa trị, liệu pháp trúng đích) Thời gian chờ 90 ngày	Theo chi phí thực tế
CÁC GIỚI HẠN PHỤ	
Giới hạn phụ	50.000.000/Đợt năm viện
Chi phí Giường và Phòng Tối đa 80 ngày/năm	600.000/ngày
Phụ cấp nằm viện tại Bệnh viện công (*)bao gồm trong Giới hạn phụ đối với chi phí Giường và Phòng ở trên. Áp dụng đối với việc Điều trị Nội trú tại Việt Nam từ 3 ngày trở lên, tối đa 30 ngày/năm	100.000/ngày(*)
Chi phí Phòng chăm sóc đặc biệt (ICU) Tối đa 30 ngày/năm	1.000.000/ngày
Chi phí giường dành cho thân nhân Tối đa 30 ngày/năm	300.000/ngày

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

2. QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM BÁN CÙNG

Thông tin quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE

Chi phí Điều trị trước khi nhập viện Trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện	Theo chi phí thực tế
Chi phí y tế nội trú khác	Theo chi phí thực tế
Chi phí phẫu thuật	12.000.000/Đợt nằm viện
Chi phí điều trị sau khi xuất viện Trong vòng 60 ngày sau khi xuất viện, tối đa 5 lần/năm	Theo chi phí thực tế
Chi phí Dịch vụ chăm sóc y tế tại nhà Tối đa 10 ngày/năm	120.000/ngày
Chi phí cấy ghép nội tạng (thận, tim, gan, phổi, tủy xương, tụy) Thời gian chờ 90 ngày, 1 lần duy nhất trọn đời	25.000.000/lần ghép cho NĐBH
	12.000.000/lần ghép cho Người hiến tạng
Chi phí tái tạo tuyến vú sau đoạn nhũ Đối với Ung thư vú	Không áp dụng
CÁC QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ ĐẶC BIỆT	
Chi phí Phẫu thuật trong ngày	1.700.000/năm
Chi phí lọc thận (chạy thận)	Không áp dụng
Chi phí cấp cứu do Tai nạn	1.700.000/Tai nạn
Chi phí điều trị nha khoa cấp cứu do Tai nạn	Không áp dụng
Chi phí xe cứu thương trong nước	1.700.000/năm
Kính nội nhãn đa tiêu cự	Không áp dụng
Biên chứng thai sản Thời gian chờ 270 ngày	Không áp dụng

(*) Không xét Thời gian chờ cho Tai nạn.
Thời gian chờ của Bệnh đặc biệt là 90 ngày. Tham khảo danh sách Bệnh đặc biệt ở PHỤ LỤC của Quy tắc, Điều khoản Sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE.

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ:

- Giới hạn bảo hiểm tối đa: là số tiền tối đa được chi trả trong suốt Năm hiệu lực đối với từng Quyền lợi bảo hiểm và được quy định cụ thể tại Bảng chi tiết Quyền lợi bảo hiểm của Sản phẩm bảo hiểm bồi trợ này.
- Giới hạn phụ: là giới hạn chi trả tối đa đối với từng loại chi phí phát sinh cho Dịch vụ y tế cần thiết được nêu tại Bảng chi tiết Quyền lợi bảo hiểm của Sản phẩm bảo hiểm bồi trợ này.
- Thời gian chờ: là thời gian mà sự kiện bảo hiểm nếu có xảy ra sẽ không được chi trả và được quy định cụ thể theo từng Quyền lợi bảo hiểm. Thời gian chờ được tính từ Ngày hiệu lực đầu tiên hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hoặc Ngày hiệu lực của việc thay đổi Chương trình bảo hiểm (cho quyền lợi được bổ sung hoặc tăng thêm) của Sản phẩm bảo hiểm bồi trợ (bao gồm các ngày này), áp dụng ngày nào đến sau. Trong trường hợp việc chi trả Quyền lợi bảo hiểm có liên quan đến nhiều hơn một Thời gian chờ, Thời gian chờ dài nhất sẽ được áp dụng.



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm:

Chị A - Ký tên:
Chị A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

10021450/510056816
NGUYỄN VĂN AB

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 -VLM1
19/06/2026 10:07:42

II. THÔNG TIN CHI TIẾT
3. ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm thuộc một trong các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo Quy Tắc và Điều Khoản của các sản phẩm đã tham gia. Quý khách vui lòng tham khảo thông tin chi tiết Điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Quy Tắc và Điều Khoản của từng sản phẩm:

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG PRUBảo Vệ Tối Đa 2.0	
• Điều khoản loại trừ bảo hiểm	Loại trừ trong trường hợp NDBH tử vong: Prudential sẽ không chi trả Quyền Lợi Bảo Hiểm Tử Vong nếu NDBH tử vong do bất kỳ lý do nào dưới đây gây ra, dù trực tiếp hay gián tiếp: • NDBH tự tử hoặc tự gây thương tích, trong vòng 02 năm kể từ ngày BMBH nộp khoản Phí Bảo Hiểm Cơ Bản đầu tiên hoặc kể từ ngày HĐBH khôi phục hiệu lực gần nhất, tùy ngày nào đến sau. Trường hợp HĐBH có tăng Số Tiền bảo Hiểm (STBH) so với lúc phát hành, phần tăng thêm của STBH cũng áp dụng loại trừ tại Điều này trong vòng 02 năm tính từ ngày có hiệu lực của việc tăng STBH hoặc từ ngày HĐBH khôi phục hiệu lực gần nhất, tùy ngày nào đến sau; hoặc • Do hành vi phạm tội hoặc lỗi cố ý của BMBH gây ra cho NDBH; hoặc • Do hành vi phạm tội hoặc lỗi cố ý của Người Thụ Hưởng (NTH) gây ra cho NDBH; hoặc • NDBH bị thi hành án tử hình; hoặc • NDBH nhiễm HIV, bị AIDS hoặc các bệnh liên quan đến HIV/AIDS, ngoại trừ trường hợp nhiễm HIV hoặc bị AIDS như là hậu quả của nhiễm HIV trong khi đang thực hiện nhiệm vụ tại nơi làm việc như là một nhân viên y tế hoặc công an, cảnh sát; hoặc • NDBH sử dụng bất kỳ loại chất gây nghiện, ma túy, chất kích thích mà vi phạm pháp luật hoặc không theo chỉ định của Bác Sĩ. Loại trừ trong trường hợp NDBH bị TTTBVV: Prudential sẽ không chi trả Quyền Lợi Bảo Hiểm TTTBVV nếu tình trạng TTTBVV của NDBH: • Đã xảy ra trước Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng, hoặc trước ngày HĐBH khôi phục hiệu lực gần nhất, tùy ngày nào đến sau. Trường hợp HĐBH có tăng STBH so với lúc phát hành, phần tăng thêm của STBH cũng áp dụng loại trừ tại Điều này đối với các tình trạng TTTBVV của NDBH đã xảy ra trước ngày có hiệu lực của việc tăng STBH hoặc trước ngày HĐBH khôi phục hiệu lực gần nhất, tùy ngày nào đến sau; hoặc • Do ung thư tuyến giáp được chẩn đoán trong Thời Gian Chờ; hoặc • Do bất kỳ lý do nào dưới đây gây ra, dù trực tiếp hay gián tiếp: - o NDBH mưu toan tự tử, tự tử không thành hoặc tự gây thương tích dẫn đến TTTBVV; hoặc - o Do hành vi phạm tội hoặc lỗi cố ý của NDBH và/hoặc BMBH gây ra cho NDBH; hoặc - o Do hành vi phạm tội hoặc lỗi cố ý của NTH gây ra cho NDBH; hoặc - o NDBH tham gia các hoạt động hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách trên các chuyến bay dân dụng; hoặc - o NDBH sử dụng bất kỳ loại chất gây nghiện, ma túy, chất kích thích mà vi phạm pháp luật hoặc không theo chỉ định của Bác Sĩ. Thời Gian Chờ: thời gian chờ áp dụng cho Quyền Lợi Bảo Hiểm TTTBVV do ung thư tuyến giáp là 90 ngày kể từ ngày hiệu lực hợp đồng hoặc ngày HĐBH khôi phục hiệu lực gần nhất, tùy ngày nào đến sau. Trong trường hợp tăng STBH, áp dụng thời gian chờ 90 ngày đối với phần tăng thêm của STBH kể từ ngày việc tăng STBH có hiệu lực hoặc từ ngày HĐBH khôi phục hiệu lực gần nhất, tùy ngày nào đến sau.

MỘT SỐ LOẠI TRỪ CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM BÁN CÙNG	
Loại Trừ của Sản Phẩm Bảo Hiểm Bệnh Lý Nghiêm Trọng	• Liên quan đến Bệnh Có Sẵn; hoặc • Trong Thời Gian Chờ, NĐBH đã được Chẩn Đoán mắc Bệnh Lý Nghiêm Trọng hoặc Biến Chứng Tiểu Đường, ngoại trừ trường hợp Bệnh Lý Nghiêm Trọng là hậu quả của Tai Nạn; hoặc • NĐBH mưu toan tự tử, tự tử không thành hoặc tự gây thương tích; hoặc • Do hành vi phạm tội của Bên Mua Bảo Hiểm ("BMBH") và/hoặc NĐBH và/hoặc Người Thụ Hưởng gây ra cho NĐBH; hoặc • NĐBH thực hiện hành vi vi phạm pháp luật (theo kết luận hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền), trừ trường hợp hành vi đó nhằm cố gắng cứu sống tính mạng con người; hoặc • Các điều khoản loại trừ khác: vui lòng tham khảo chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm này.
Loại Trừ của Sản Phẩm Bảo Hiểm Hỗ Trợ Đóng Phí Bệnh Lý Nghiêm Trọng	• Liên quan đến Bệnh Có Sẵn; hoặc • Trong Thời Gian Chờ, NĐBH đã được Chẩn Đoán mắc Bệnh Lý Nghiêm Trọng, ngoại trừ trường hợp Bệnh Lý Nghiêm Trọng là hậu quả của Tai Nạn; hoặc • NĐBH mưu toan tự tử, tự tử không thành hoặc tự gây thương tích; hoặc • Do lỗi cố ý của NĐBH và/hoặc Bên Mua Bảo Hiểm ("BMBH"); và/hoặc Người Thụ Hưởng; hoặc • Do hành vi phạm tội của BMBH và/hoặc NĐBH và/hoặc Người Thụ Hưởng gây ra cho NĐBH; hoặc • Các điều khoản loại trừ khác: vui lòng tham khảo chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm này.
Loại trừ của Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ PRU-Hành Trang Vui Khỏe	• Tình trạng tồn tại trước không được khai báo, hoặc các Tình trạng tồn tại trước có khai báo và không được Công ty chấp thuận bằng văn bản tại thời điểm thẩm định; • Bệnh di truyền và dị tật bẩm sinh, xét nghiệm hoặc tự vấn liên quan đến di truyền; • Tình trạng nhiễm virus HIV, Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (AIDS) bệnh hoa liễu và các bệnh lây truyền qua đường tình dục, kể cả các biến chứng của Bệnh và các tác dụng phụ của việc điều trị Bệnh; • Điều trị các tình trạng phát sinh liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến tự tử, mưu toan tự tử, cố ý gây thương tích dù trong trạng thái tỉnh táo hay mất trí; • Thương tích hoặc Bệnh là hậu quả của việc thực hiện hoặc mưu toan thực hiện các hành vi phạm tội hoặc vi phạm pháp luật của Người được bảo hiểm, Người thụ hưởng hoặc Bên mua bảo hiểm; • Tất cả các thăm khám, điều trị liên quan đến thai sản, sinh đẻ (bao gồm Sinh mổ hay Sinh thường) và các biến chứng thai sản khác không được bảo hiểm theo Quyền lợi Nội trú, trừ trường hợp Người được bảo hiểm có Quyền lợi Chăm sóc Thai sản. • Các điều khoản loại trừ khác: vui lòng tham khảo chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm này.

LƯU Ý: Vui lòng tham khảo thêm các Quy tắc và Điều Khoản của các sản phẩm bảo hiểm được công khai tại địa chỉ website <https://www.prudential.com.vn/> hoặc Quy tắc và Điều Khoản được Prudential Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có)

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

4. GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ VÀ CÁC CHI PHÍ LIÊN QUAN

- **Phí Bảo Hiểm Cơ Bản:** khoản phí bảo hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính được xác định dựa trên STBH mà BMBH lựa chọn và được quy định trong Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm hoặc Thư Xác Nhận Điều Chỉnh Hợp Đồng gần nhất, nếu có.
- **Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm:** khoản tiền mà BMBH đóng thêm vào HĐBH theo Quy Tắc và Điều Khoản của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính.
- **Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản (GTTK Cơ Bản):** số tiền được tích lũy từ khoản Phí Bảo Hiểm Cơ Bản được phân bổ sau khi trừ các Phí liên quan, nếu có.
- **Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm (GTTK Đóng Thêm):** số tiền được tích lũy từ khoản Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm được phân bổ sau khi trừ các Phí liên quan, nếu có.
- **Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng (GTTK Hợp Đồng):** bao gồm Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản và Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm.
- **Phí Ban Đầu:** là khoản phí được dùng để bù đắp chi phí liên quan tới việc khai thác HĐBH và chi phí vốn của Prudential. Phí Ban Đầu được khấu trừ từ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm, nếu có, trước khi được phân bổ vào GTTK Cơ Bản và GTTK Đóng Thêm tương ứng, theo tỷ lệ quy định trong bảng sau:

	Tỷ lệ Phí Ban Đầu theo Năm Đóng Phí Bảo Hiểm						
	1	2	3	4	5	6-10	11+
Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	50%	30%	20%	20%	20%	2%/năm	0%
Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	1.5%						0%

- **Phí Rủi Ro:** khoản phí được dùng để đảm bảo chi trả Quyền Lợi Bảo Hiểm Rủi Ro cho Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính theo quy định tại HĐBH. Phí Rủi Ro được khấu trừ từ GTTK Hợp Đồng vào Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng và mỗi Ngày Kỷ Niệm Tháng Hợp Đồng.
- **Phí Quản Lý Hợp Đồng:** là khoản phí được dùng bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì HĐBH và cung cấp thông tin liên quan đến HĐBH cho BMBH. Phí Quản Lý Hợp Đồng được khấu trừ hàng tháng từ GTTK Hợp Đồng. Phí Quản Lý Hợp Đồng mỗi tháng trong mỗi năm dương lịch được quy định trong bảng sau:

(Đơn vị tính: đồng)

Năm dương lịch	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034	2035	2036	2037	2038	2039+
Phí Quản Lý Hợp Đồng/tháng	44.000	46.000	48.000	50.000	52.000	54.000	56.000	58.000	60.000	62.000	64.000	66.000	68.000	70.000

- **Phí Quản Lý Quỹ:** khoản phí được khấu trừ hàng tháng vào Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng và các Ngày Kỷ Niệm Tháng Hợp Đồng từ lãi suất đầu tư dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ Liên Kết Chung. Phí Quản Lý Quỹ trong mỗi năm tài chính tối đa là 2,0%/năm của giá trị tài sản ròng của Quỹ Liên Kết Chung.
- **Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn:** khoản phí được dùng để bù đắp các khoản chi phí hợp lý có liên quan đến việc BMBH yêu cầu chấm dứt HĐBH trước hạn. Khoản phí này được trừ từ GTTK Cơ Bản và được xác định như sau :

- Tỷ lệ phần trăm (%) của Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm của Năm Hợp Đồng đầu tiên; và
 - Tỷ lệ phần trăm này được xác định dựa trên Năm Hợp Đồng tại ngày chấm dứt HĐBH hoặc tại ngày HĐBH mất hiệu lực, tùy trường hợp nào xảy ra trước.
- | | | | | | | | |
|--|-----|-----|-----|-----|-----|-----|----|
| Năm Hợp Đồng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7+ |
| Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn
(% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm của Năm Hợp Đồng đầu tiên) | 90% | 90% | 50% | 35% | 25% | 15% | 0% |

Trong mọi trường hợp, Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn không vượt quá GTTK Cơ Bản.

Ví dụ minh họa Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn trong thời gian đóng phí bắt buộc cho HĐBH có ngày hiệu lực HĐ là ngày 01/01/2027 và định kỳ đóng phí năm

BMBH đã đóng 3 năm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản cho HĐBH. Vào ngày 31/01/2029 trong Năm Hợp Đồng thứ 3, BMBH yêu cầu chấm dứt HĐBH trước hạn, Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn được tính bằng 50% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm của Năm Hợp Đồng đầu tiên.

Ghi chú:

- Các thay đổi về Phí Rủi Ro, hoặc mức tối đa của Phí Quản Lý Quỹ, nếu có sẽ được Prudential thông báo bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm ít nhất 3 tháng trước thời điểm chính thức thay đổi.



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm:

Chị A - Ký tên:
Chị A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

10021450/510056816
NGUYỄN VĂN AB

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 -VLM1
19/06/2026 10:07:42

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

5. MÔ TẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

PRUBảo Vệ Tối Đa 2.0 thuộc Quỹ Liên kết chung có các thông tin như sau:

Mục tiêu	Chính sách đầu tư	Lĩnh vực đầu tư
Tạo nguồn thu nhập tương đối ổn định với tỷ lệ lãi suất cao hơn lãi suất tiền gửi ngắn hạn bằng cách đầu tư vào danh mục đầu tư tài sản có gốc tiền tệ là VND, đảm bảo tỷ suất đầu tư cam kết tối thiểu.	Prudential sẽ thực hiện chính sách đầu tư thận trọng bằng việc tập trung đầu tư chủ yếu vào các tài sản có thu nhập ổn định.	Trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu đô thị, trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng, đồng thời đầu tư vào các tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn như chứng khoán chưa niêm yết và chứng khoán đang được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Quỹ liên kết chung được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments.

Để tham khảo thông tin về sản phẩm, chính sách đầu tư và hoạt động của quỹ liên kết chung, vui lòng tham khảo tại Quy tắc và Điều khoản và:

<https://www.prudential.com.vn/vi/san-pham-bao-hiem/dau-tu/san-pham-bao-hiem-lien-ket-chung-pru-bao-ve-toi-da-2/>

<https://www.prudential.com.vn/vi/cham-soc-khach-hang/thong-tin-cac-quy-dau-tu/quy-lien-ket-chung/>

LÃI SUẤT ĐẦU TƯ CÔNG BỐ

Năm	Lãi Suất Đầu Tư Công Bố (%/năm)			
	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
2021	5,10%	5-5,10%	5,00%	5,00%
2022	5,00%	5,00%	5,00%	5,00%
2023	5,25%	5,25%	5,25%	5,50%
2024	5,25%	5,00%	5,00%	5,00%
2025	5,00%	4,50%	4,50%	4,50%
2026	4,50%	4,75%		

Ghi chú:

- Kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung trong quá khứ dùng để tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn về kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung trong tương lai.

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

1. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC (4 NĂM)

1.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng

Phí Bảo Hiểm được khách hàng đóng (bao gồm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm, nếu có) sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu, nếu có, sẽ được đem đi phân bổ vào GTTK Cơ Bản/ GTTK Đóng Thêm. Phí Quản Lý Hợp Đồng và Phí Rủi Ro sẽ được khấu trừ hàng tháng từ GTTK Hợp Đồng.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NĐBH chính	Phí Bảo Hiểm			Phí Ban Đầu			Phí Bảo Hiểm Được Phân Bố			Phí Quản Lý Hợp Đồng	Phí Rủi Ro		
	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí ban đầu	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Tổng Phí Bảo Hiểm đem đi đầu tur		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu	Tại mức lãi suất dự kiến 3,5% (*)	Tại mức lãi suất dự kiến 4,75% (*)
1 / 37	12.940	-	12.940	6.470	-	6.470	6.470	-	6.470	538	1.493	1.493	1.493
2 / 38	12.940	-	12.940	3.882	-	3.882	9.058	-	9.058	562	1.612	1.612	1.612
3 / 39	12.940	-	12.940	2.588	-	2.588	10.352	-	10.352	586	1.754	1.754	1.754
4 / 40	12.940	-	12.940	2.588	-	2.588	10.352	-	10.352	610	1.911	1.911	1.911
5 / 41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	634	2.082	2.082	2.082
6 / 42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	658	2.261	2.261	2.261
7 / 43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	682	2.442	2.442	2.442
8 / 44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	706	2.622	2.622	2.622
9 / 45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	730	2.814	2.814	2.814
10 / 46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	754	3.006	3.006	3.006
11 / 47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	778	3.206	3.206	3.206
12 / 48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	802	3.428	3.428	3.428
13 / 49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	826	3.665	3.665	3.665
14 / 50										840	(**)	(**)	3.921
15 / 51													(**)
Tổng/Cộng đôn	51.760	-	51.760	15.528	-	15.528	36.232	-	36.232	9.706	32.296	32.296	36.218

(*) Từ Năm Hợp Đồng 21 trở đi, lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu của Năm Hợp Đồng tương ứng được dùng để minh họa.

(**) Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng sau khi trừ đi Phí Quản Lý Hợp Đồng và các chi phí khác, nếu có, nhỏ hơn 0.

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

1. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC (4 NĂM)

1.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NDBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bổ/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu ⁽¹⁾								
			QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản (3)	GTTK Đóng Thêm (4)	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾	Tổng QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
1 / 37	12.940	6.470	1.000.000	-	-	-	4.628	-	4.628	1.004.628	-
2 / 38	25.880	15.528	1.000.000	-	-	-	11.887	-	11.887	1.011.887	241
3 / 39	38.820	25.880	1.000.000	-	-	-	20.530	-	20.530	1.020.530	14.060
4 / 40	51.760	36.232	1.000.000	-	-	-	29.099	-	29.099	1.029.099	24.570
5 / 41	-	-	1.000.000	-	-	-	27.075	-	27.075	1.027.075	23.840
6 / 42	-	-	1.000.000	-	-	-	24.794	-	24.794	1.024.794	22.853
7 / 43	-	-	1.000.000	-	-	-	22.248	-	22.248	1.022.248	22.248
8 / 44	-	-	1.000.000	-	-	-	19.330	-	19.330	1.019.330	19.330
9 / 45	-	-	1.000.000	-	-	-	16.134	-	16.134	1.016.134	16.134
10 / 46	-	-	1.000.000	-	-	-	12.656	-	12.656	1.012.656	12.656
11 / 47	-	-	1.000.000	-	-	-	8.882	-	8.882	1.008.882	8.882
12 / 48	-	-	1.000.000	-	-	-	4.785	-	4.785	1.004.785	4.785
13 / 49	-	-	1.000.000	-	-	-	342	-	342	1.000.342	342
14 / 50	-	-	-	-	-	-	-	-	(**)	-	(**)
Tổng/ Cộng dồn	51.760	36.232		-	-	-					

Ngoài QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm, Prudential sẽ chi trả QLBH TTTBVV Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm với số tiền là 100 triệu đồng. Vui lòng tham khảo thêm mức chi trả đối với quyền lợi này cho tất cả các Hợp Đồng Bảo Hiểm Trùng Quyền Lợi tại Điều 1.2.1 (iii) tại Quy Tắc và Điều Khoản của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính.

(**) Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng (minh họa ở mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu) sau khi trừ đi Phí Quản Lý Hợp Đồng và các chi phí khác, nếu có, nhỏ hơn 0.

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

1. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC (4 NĂM)

1.3. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 3,5%/năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NĐBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bổ/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất dự kiến 3,5% ⁽¹⁾								
			QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản (3)	GTTK Đóng Thêm (4)	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾	Tổng QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
1 / 37	12.940	6.470	1.000.000	-	-	-	4.628	-	4.628	1.004.628	-
2 / 38	25.880	15.528	1.000.000	-	-	-	11.950	-	11.950	1.011.950	304
3 / 39	38.820	25.880	1.000.000	-	-	-	20.700	-	20.700	1.020.700	14.230
4 / 40	51.760	36.232	1.000.000	-	-	-	29.570	-	29.570	1.029.570	25.041
5 / 41	-	-	1.000.000	-	-	-	27.839	-	27.839	1.027.839	24.604
6 / 42	-	-	1.000.000	-	-	-	25.840	-	25.840	1.025.840	23.899
7 / 43	-	-	1.000.000	-	-	-	23.563	-	23.563	1.023.563	23.563
8 / 44	-	-	1.000.000	-	-	-	20.997	-	20.997	1.020.997	20.997
9 / 45	-	-	1.000.000	-	-	-	18.122	-	18.122	1.018.122	18.122
10 / 46	-	-	1.000.000	-	-	-	14.926	-	14.926	1.014.926	14.926
11 / 47	-	-	1.000.000	-	-	-	11.390	-	11.390	1.011.390	11.390
12 / 48	-	-	1.000.000	-	-	-	7.480	-	7.480	1.007.480	7.480
13 / 49	-	-	1.000.000	-	-	-	3.167	-	3.167	1.003.167	3.167
14 / 50	-	-		-	-	-	-		(**)		(**)
Tổng/ Cộng dồn	51.760	36.232		-	-	-					

Ngoài QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm, Prudential sẽ chi trả QLBH TTTBVV Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm với số tiền là 100 triệu đồng. Vui lòng tham khảo thêm mức chi trả đối với quyền lợi này cho tất cả các Hợp Đồng Bảo Hiểm Trùng Quyền Lợi tại Điều 1.2.1 (iii) tại Quy Tắc và Điều Khoản của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính.

(**) Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng (minh họa ở mức lãi suất dự kiến) sau khi trừ đi Phí Quản Lý Hợp Đồng và các chi phí khác, nếu có, nhỏ hơn 0.

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

1. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC (4 NĂM)

1.4. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 4,75%/năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NĐBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bổ/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất dự kiến 4,75% ⁽¹⁾								
			QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản (3)	GTTK Đóng Thêm (4)	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾	Tổng QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
1 / 37	12.940	6.470	1.000.000	-	-	-	4.695	-	4.695	1.004.695	-
2 / 38	25.880	15.528	1.000.000	-	-	-	12.178	-	12.178	1.012.178	532
3 / 39	38.820	25.880	1.000.000	-	-	-	21.201	-	21.201	1.021.201	14.731
4 / 40	51.760	36.232	1.000.000	-	-	-	30.467	-	30.467	1.030.467	25.938
5 / 41	-	-	1.000.000	-	-	-	29.130	-	29.130	1.029.130	25.895
6 / 42	-	-	1.000.000	-	-	-	27.522	-	27.522	1.027.522	25.581
7 / 43	-	-	1.000.000	-	-	-	25.627	-	25.627	1.025.627	25.627
8 / 44	-	-	1.000.000	-	-	-	23.432	-	23.432	1.023.432	23.432
9 / 45	-	-	1.000.000	-	-	-	20.911	-	20.911	1.020.911	20.911
10 / 46	-	-	1.000.000	-	-	-	18.049	-	18.049	1.018.049	18.049
11 / 47	-	-	1.000.000	-	-	-	14.821	-	14.821	1.014.821	14.821
12 / 48	-	-	1.000.000	-	-	-	11.189	-	11.189	1.011.189	11.189
13 / 49	-	-	1.000.000	-	-	-	7.116	-	7.116	1.007.116	7.116
14 / 50	-	-	1.000.000	-	-	-	2.573	-	2.573	1.002.573	2.573
15 / 51	-	-		-	-	-	-		(**)		(**)
Tổng/ Cộng dồn	51.760	36.232		-	-	-					

Ngoài QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm, Prudential sẽ chi trả QLBH TTTBVV Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm với số tiền là 100 triệu đồng. Vui lòng tham khảo thêm mức chi trả đối với quyền lợi này cho tất cả các Hợp Đồng Bảo Hiểm Trùng Quyền Lợi tại Điều 1.2.1 (iii) tại Quy Tắc và Điều Khoản của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính.

(**) Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng (minh họa ở mức lãi suất dự kiến) sau khi trừ đi Phí Quản Lý Hợp Đồng và các chi phí khác, nếu có, nhỏ hơn 0.

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (20 NĂM)

2.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng

Phí Bảo Hiểm được khách hàng đóng (bao gồm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm, nếu có) sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu, nếu có, sẽ được đem đi phân bổ vào GTTK Cơ Bản/ GTTK Đóng Thêm. Phí Quản Lý Hợp Đồng và Phí Rủi Ro sẽ được khấu trừ hàng tháng từ GTTK Hợp Đồng.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HD/ Tuổi NDBH chính	Phí Bảo Hiểm			Phí Ban Đầu			Phí Bảo Hiểm Được Phân Bố			Phí Quản Lý Hợp Đồng	Phí Rủi Ro		
	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí ban đầu	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Tổng Phí Bảo Hiểm đem đi đầu tư		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu	Tại mức lãi suất dự kiến 3,5% (*)	Tại mức lãi suất dự kiến 4,75% (*)
1 / 37	12.940	-	12.940	6.470	-	6.470	6.470	-	6.470	538	1.493	1.493	1.493
2 / 38	12.940	-	12.940	3.882	-	3.882	9.058	-	9.058	562	1.612	1.612	1.612
3 / 39	12.940	-	12.940	2.588	-	2.588	10.352	-	10.352	586	1.754	1.754	1.754
4 / 40	12.940	-	12.940	2.588	-	2.588	10.352	-	10.352	610	1.911	1.911	1.911
5 / 41	12.940	-	12.940	2.588	-	2.588	10.352	-	10.352	634	2.082	2.082	2.082
6 / 42	12.940	-	12.940	259	-	259	12.681	-	12.681	658	2.261	2.261	2.261
7 / 43	12.940	-	12.940	259	-	259	12.681	-	12.681	682	2.442	2.442	2.442
8 / 44	12.940	-	12.940	259	-	259	12.681	-	12.681	706	2.622	2.622	2.622
9 / 45	12.940	-	12.940	259	-	259	12.681	-	12.681	730	2.814	2.814	2.814
10 / 46	12.940	-	12.940	259	-	259	12.681	-	12.681	754	3.006	3.006	3.006
11 / 47	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	778	3.206	3.206	3.206
12 / 48	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	802	3.428	3.428	3.428
13 / 49	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	826	3.665	3.665	3.665
14 / 50	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	3.921	3.921	3.921
15 / 51	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	4.201	4.201	4.201
16 / 52	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	4.510	4.510	4.510
17 / 53	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	4.857	4.857	4.857
18 / 54	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	5.228	5.228	5.228
19 / 55	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	5.606	5.606	5.606
20 / 56	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	5.987	5.987	5.987
21 / 57	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	6.358	6.358	6.358
22 / 58	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	6.718	6.718	6.718
23 / 59	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	7.091	7.091	7.091
24 / 60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	7.517	7.517	7.517
25 / 61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	8.034	8.034	8.034

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (20 NĂM)

2.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng

Phí Bảo Hiểm được khách hàng đóng (bao gồm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm, nếu có) sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu, nếu có, sẽ được đem đi phân bổ vào GTTK Cơ Bản/ GTTK Đóng Thêm. Phí Quản Lý Hợp Đồng và Phí Rủi Ro sẽ được khấu trừ hàng tháng từ GTTK Hợp Đồng.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HD/ Tuổi NDBH chính	Phí Bảo Hiểm			Phí Ban Đầu			Phí Bảo Hiểm Được Phân Bố			Phí Quản Lý Hợp Đồng	Phí Rủi Ro		
	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí ban đầu	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Tổng Phí Bảo Hiểm đem đi đầu tur		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu	Tại mức lãi suất dự kiến 3,5% (*)	Tại mức lãi suất dự kiến 4,75% (*)
26 / 62	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	8.682	8.682	8.682
27 / 63	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	9.492	9.492	9.492
28 / 64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	10.444	10.444	10.444
29 / 65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	11.496	11.496	11.496
30 / 66	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	12.606	12.606	12.606
31 / 67	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	13.742	13.742	13.742
32 / 68	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	14.888	14.888	14.888
33 / 69	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	16.103	16.103	16.103
34 / 70	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	17.492	17.492	17.492
35 / 71	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	19.152	19.152	19.152
36 / 72	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	16.597	15.351	14.342
37 / 73	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	21.741	20.092	18.758
38 / 74	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	25.079	23.158	21.603
39 / 75	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840	29.064	26.816	24.998
40 / 76										840	(**)	31.095	28.966
41 / 77										840		35.855	33.272
42 / 78										840		(**)	38.548
43 / 79										840			44.776
44 / 80													(**)
Tổng/Cộng đón	258.800	-	258.800	19.410	-	19.410	239.390	-	239.390	34.066	328.903	388.788	461.684

(*) Từ Năm Hợp Đồng 21 trở đi, lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu của Năm Hợp Đồng tương ứng được dùng để minh họa.

(**) Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng sau khi trừ đi Phí Quản Lý Hợp Đồng và các chi phí khác, nếu có, nhỏ hơn 0.

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (20 NĂM)

2.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NĐBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bổ/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu ⁽¹⁾								
			QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản (3)	GTTK Động Thêm (4)	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾	Tổng QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
1 / 37	12.940	6.470	1.000.000	-	-	-	4.628	-	4.628	1.004.628	-
2 / 38	25.880	15.528	1.000.000	-	-	-	11.887	-	11.887	1.011.887	241
3 / 39	38.820	25.880	1.000.000	-	-	-	20.530	-	20.530	1.020.530	14.060
4 / 40	51.760	36.232	1.000.000	-	-	-	29.099	-	29.099	1.029.099	24.570
5 / 41	64.700	46.584	1.000.000	-	-	-	37.685	-	37.685	1.037.685	34.450
6 / 42	77.640	59.265	1.000.000	-	-	-	48.668	-	48.668	1.048.668	46.727
7 / 43	90.580	71.946	1.000.000	-	-	-	59.718	-	59.718	1.059.718	59.718
8 / 44	103.520	84.628	1.000.000	-	-	-	70.483	-	70.483	1.070.483	70.483
9 / 45	116.460	97.309	1.000.000	-	-	-	81.245	-	81.245	1.081.245	81.245
10 / 46	129.400	109.990	1.000.000	19.410	-	-	111.415	-	111.415	1.111.415	111.415
11 / 47	142.340	122.930	1.000.000	-	-	-	122.815	-	122.815	1.122.815	122.815
12 / 48	155.280	135.870	1.000.000	-	-	-	134.195	-	134.195	1.134.195	134.195
13 / 49	168.220	148.810	1.000.000	-	-	-	145.539	-	145.539	1.145.539	145.539
14 / 50	181.160	161.750	1.000.000	-	-	-	156.837	-	156.837	1.156.837	156.837
15 / 51	194.100	174.690	1.000.000	9.705	-	-	177.782	-	177.782	1.177.782	177.782
16 / 52	207.040	187.630	1.000.000	-	-	-	187.251	-	187.251	1.187.251	187.251
17 / 53	219.980	200.570	1.000.000	-	-	-	196.466	-	196.466	1.196.466	196.466
18 / 54	232.920	213.510	1.000.000	-	-	-	205.400	-	205.400	1.205.400	205.400
19 / 55	245.860	226.450	1.000.000	-	-	-	214.043	-	214.043	1.214.043	214.043
20 / 56	258.800	239.390	1.000.000	9.705	8.280	-	240.374	-	240.374	1.240.374	240.374
21 / 57	-	-	1.000.000	-	-	-	235.541	-	235.541	1.235.541	235.541
22 / 58	-	-	1.000.000	-	-	-	230.299	-	230.299	1.230.299	230.299
23 / 59	-	-	1.000.000	-	-	-	224.628	-	224.628	1.224.628	224.628
24 / 60	-	-	1.000.000	-	-	-	218.473	-	218.473	1.218.473	218.473
25 / 61	-	-	1.000.000	-	9.073	-	220.808	-	220.808	1.220.808	220.808

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (20 NĂM)

2.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NDBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bổ/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu ⁽¹⁾								
			QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản (3)	GTTK Đóng Thêm (4)	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾	Tổng QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
26 / 62	-	-	1.000.000	-	-	-	213.444	-	213.444	1.213.444	213.444
27 / 63	-	-	1.000.000	-	-	-	205.191	-	205.191	1.205.191	205.191
28 / 64	-	-	1.000.000	-	-	-	195.899	-	195.899	1.195.899	195.899
29 / 65	-	-	1.000.000	-	-	-	185.456	-	185.456	1.185.456	185.456
30 / 66	-	-	1.000.000	-	7.967	-	181.761	-	181.761	1.181.761	181.761
31 / 67	-	-	1.000.000	-	-	-	168.919	-	168.919	1.168.919	168.919
32 / 68	-	-	1.000.000	-	-	-	154.797	-	154.797	1.154.797	154.797
33 / 69	-	-	1.000.000	-	-	-	139.312	-	139.312	1.139.312	139.312
34 / 70	-	-	1.000.000	-	-	-	122.275	-	122.275	1.122.275	122.275
35 / 71	-	-	1.000.000	-	5.804	-	109.204	-	109.204	1.109.204	109.204
36 / 72	-	-	1.000.000	-	-	-	92.771	-	92.771	1.000.000	92.771
37 / 73	-	-	1.000.000	-	-	-	70.998	-	70.998	1.000.000	70.998
38 / 74	-	-	1.000.000	-	-	-	45.654	-	45.654	1.000.000	45.654
39 / 75	-	-	1.000.000	-	-	-	16.049	-	16.049	1.000.000	16.049
40 / 76	-	-		-	-	-	-	-	(**)		(**)
Tổng/ Cộng dồn	258.800	239.390		38.820	31.123	-					

Ngoài QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm, Prudential sẽ chi trả QLBH TTTBVV Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm với số tiền là 100 triệu đồng. Vui lòng tham khảo thêm mức chi trả đối với quyền lợi này cho tất cả các Hợp Đồng Bảo Hiểm Trùng Quyền Lợi tại Điều 1.2.1 (iii) tại Quy Tắc và Điều Khoản của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính.

(**) Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng (minh họa ở mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu) sau khi trừ đi Phí Quản Lý Hợp Đồng và các chi phí khác, nếu có, nhỏ hơn 0.

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (20 NĂM)

2.3. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 3,5%/năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NĐBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bố/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất dự kiến 3,5% ⁽¹⁾									Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
			QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền ⁽²⁾	GTTK Cơ Bản ⁽³⁾	GTTK Động Thêm ⁽⁴⁾	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾	Tổng QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm		
1 / 37	12.940	6.470	1.000.000	-	-	-	4.628	-	4.628	1.004.628	-	
2 / 38	25.880	15.528	1.000.000	-	-	-	11.950	-	11.950	1.011.950	304	
3 / 39	38.820	25.880	1.000.000	-	-	-	20.700	-	20.700	1.020.700	14.230	
4 / 40	51.760	36.232	1.000.000	-	-	-	29.570	-	29.570	1.029.570	25.041	
5 / 41	64.700	46.584	1.000.000	-	-	-	38.553	-	38.553	1.038.553	35.318	
6 / 42	77.640	59.265	1.000.000	-	-	-	50.055	-	50.055	1.050.055	48.114	
7 / 43	90.580	71.946	1.000.000	-	-	-	61.750	-	61.750	1.061.750	61.750	
8 / 44	103.520	84.628	1.000.000	-	-	-	73.646	-	73.646	1.073.646	73.646	
9 / 45	116.460	97.309	1.000.000	-	-	-	85.738	-	85.738	1.085.738	85.738	
10 / 46	129.400	109.990	1.000.000	19.410	-	-	117.444	-	117.444	1.117.444	117.444	
11 / 47	142.340	122.930	1.000.000	-	-	-	130.888	-	130.888	1.130.888	130.888	
12 / 48	155.280	135.870	1.000.000	-	-	-	144.554	-	144.554	1.144.554	144.554	
13 / 49	168.220	148.810	1.000.000	-	-	-	158.432	-	158.432	1.158.432	158.432	
14 / 50	181.160	161.750	1.000.000	-	-	-	172.520	-	172.520	1.172.520	172.520	
15 / 51	194.100	174.690	1.000.000	9.705	-	-	196.521	-	196.521	1.196.521	196.521	
16 / 52	207.040	187.630	1.000.000	-	-	-	211.343	-	211.343	1.211.343	211.343	
17 / 53	219.980	200.570	1.000.000	-	-	-	226.330	-	226.330	1.226.330	226.330	
18 / 54	232.920	213.510	1.000.000	-	-	-	241.463	-	241.463	1.241.463	241.463	
19 / 55	245.860	226.450	1.000.000	-	-	-	256.742	-	256.742	1.256.742	256.742	
20 / 56	258.800	239.390	1.000.000	9.705	9.626	-	291.496	-	291.496	1.291.496	291.496	
21 / 57	-	-	1.000.000	-	-	-	287.175	-	287.175	1.287.175	287.175	
22 / 58	-	-	1.000.000	-	-	-	282.449	-	282.449	1.282.449	282.449	
23 / 59	-	-	1.000.000	-	-	-	277.300	-	277.300	1.277.300	277.300	
24 / 60	-	-	1.000.000	-	-	-	271.671	-	271.671	1.271.671	271.671	
25 / 61	-	-	1.000.000	-	11.170	-	276.636	-	276.636	1.276.636	276.636	

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (20 NĂM)

2.3. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 3,5%/năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NDBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bố/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất dự kiến 3,5% ⁽¹⁾								
			QLBH Từ Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản (3)	GTTK Đóng Thêm (4)	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾	Tổng QLBH Từ Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
26 / 62	-	-	1.000.000	-	-	-	269.830	-	269.830	1.269.830	269.830
27 / 63	-	-	1.000.000	-	-	-	262.141	-	262.141	1.262.141	262.141
28 / 64	-	-	1.000.000	-	-	-	253.419	-	253.419	1.253.419	253.419
29 / 65	-	-	1.000.000	-	-	-	243.551	-	243.551	1.243.551	243.551
30 / 66	-	-	1.000.000	-	10.258	-	242.727	-	242.727	1.242.727	242.727
31 / 67	-	-	1.000.000	-	-	-	230.495	-	230.495	1.230.495	230.495
32 / 68	-	-	1.000.000	-	-	-	216.989	-	216.989	1.216.989	216.989
33 / 69	-	-	1.000.000	-	-	-	202.125	-	202.125	1.202.125	202.125
34 / 70	-	-	1.000.000	-	-	-	185.717	-	185.717	1.185.717	185.717
35 / 71	-	-	1.000.000	-	8.305	-	175.781	-	175.781	1.175.781	175.781
36 / 72	-	-	1.000.000	-	-	-	161.267	-	161.267	1.000.000	161.267
37 / 73	-	-	1.000.000	-	-	-	141.837	-	141.837	1.000.000	141.837
38 / 74	-	-	1.000.000	-	-	-	119.132	-	119.132	1.000.000	119.132
39 / 75	-	-	1.000.000	-	-	-	92.522	-	92.522	1.000.000	92.522
40 / 76	-	-	1.000.000	-	5.047	-	66.391	-	66.391	1.000.000	66.391
41 / 77	-	-	1.000.000	-	-	-	30.167	-	30.167	1.000.000	30.167
42 / 78	-	-		-	-	-	-		(**)		(**)
Tổng/ Cộng đồn	258.800	239.390		38.820	44.405	-					

Ngoài QLBH Từ Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm, Prudential sẽ chi trả QLBH TTTBVV Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm với số tiền là 100 triệu đồng. Vui lòng tham khảo thêm mức chi trả đối với quyền lợi này cho tất cả các Hợp Đồng Bảo Hiểm Trùng Quyền Lợi tại Điều 1.2.1 (iii) tại Quy Tắc và Điều Khoản của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính.

(**) Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng (minh họa ở mức lãi suất dự kiến) sau khi trừ đi Phí Quản Lý Hợp Đồng và các chi phí khác, nếu có, nhỏ hơn 0.

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (20 NĂM)

2.4. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 4,75%/năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NĐBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bổ/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất dự kiến 4,75% ⁽¹⁾									Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
			QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền ⁽²⁾	GTTK Cơ Bản ⁽³⁾	GTTK Động Thêm ⁽⁴⁾	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾	Tổng QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm		
1 / 37	12.940	6.470	1.000.000	-	-	-	4.695	-	4.695	1.004.695	-	
2 / 38	25.880	15.528	1.000.000	-	-	-	12.178	-	12.178	1.012.178	532	
3 / 39	38.820	25.880	1.000.000	-	-	-	21.201	-	21.201	1.021.201	14.731	
4 / 40	51.760	36.232	1.000.000	-	-	-	30.467	-	30.467	1.030.467	25.938	
5 / 41	64.700	46.584	1.000.000	-	-	-	39.974	-	39.974	1.039.974	36.739	
6 / 42	77.640	59.265	1.000.000	-	-	-	52.164	-	52.164	1.052.164	50.223	
7 / 43	90.580	71.946	1.000.000	-	-	-	64.723	-	64.723	1.064.723	64.723	
8 / 44	103.520	84.628	1.000.000	-	-	-	77.669	-	77.669	1.077.669	77.669	
9 / 45	116.460	97.309	1.000.000	-	-	-	91.008	-	91.008	1.091.008	91.008	
10 / 46	129.400	109.990	1.000.000	19.410	-	-	124.169	-	124.169	1.124.169	124.169	
11 / 47	142.340	122.930	1.000.000	-	-	-	139.537	-	139.537	1.139.537	139.537	
12 / 48	155.280	135.870	1.000.000	-	-	-	155.383	-	155.383	1.155.383	155.383	
13 / 49	168.220	148.810	1.000.000	-	-	-	171.714	-	171.714	1.171.714	171.714	
14 / 50	181.160	161.750	1.000.000	-	-	-	188.544	-	188.544	1.188.544	188.544	
15 / 51	194.100	174.690	1.000.000	9.705	-	-	215.591	-	215.591	1.215.591	215.591	
16 / 52	207.040	187.630	1.000.000	-	-	-	233.901	-	233.901	1.233.901	233.901	
17 / 53	219.980	200.570	1.000.000	-	-	-	252.726	-	252.726	1.252.726	252.726	
18 / 54	232.920	213.510	1.000.000	-	-	-	272.065	-	272.065	1.272.065	272.065	
19 / 55	245.860	226.450	1.000.000	-	-	-	291.934	-	291.934	1.291.934	291.934	
20 / 56	258.800	239.390	1.000.000	9.705	10.787	-	332.847	-	332.847	1.332.847	332.847	
21 / 57	-	-	1.000.000	-	-	-	328.940	-	328.940	1.328.940	328.940	
22 / 58	-	-	1.000.000	-	-	-	324.631	-	324.631	1.324.631	324.631	
23 / 59	-	-	1.000.000	-	-	-	319.904	-	319.904	1.319.904	319.904	
24 / 60	-	-	1.000.000	-	-	-	314.701	-	314.701	1.314.701	314.701	
25 / 61	-	-	1.000.000	-	12.867	-	321.793	-	321.793	1.321.793	321.793	

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

2. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (20 NĂM)

2.4. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất dự kiến 4,75%/năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NDBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bổ/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất dự kiến 4,75% ⁽¹⁾								
			QLBH Từ Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản (3)	GTTK Đóng Thêm (4)	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾	Tổng QLBH Từ Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
26 / 62	-	-	1.000.000	-	-	-	315.438	-	315.438	1.315.438	315.438
27 / 63	-	-	1.000.000	-	-	-	308.206	-	308.206	1.308.206	308.206
28 / 64	-	-	1.000.000	-	-	-	299.944	-	299.944	1.299.944	299.944
29 / 65	-	-	1.000.000	-	-	-	290.541	-	290.541	1.290.541	290.541
30 / 66	-	-	1.000.000	-	12.111	-	292.040	-	292.040	1.292.040	292.040
31 / 67	-	-	1.000.000	-	-	-	280.301	-	280.301	1.280.301	280.301
32 / 68	-	-	1.000.000	-	-	-	267.293	-	267.293	1.267.293	267.293
33 / 69	-	-	1.000.000	-	-	-	252.933	-	252.933	1.252.933	252.933
34 / 70	-	-	1.000.000	-	-	-	237.033	-	237.033	1.237.033	237.033
35 / 71	-	-	1.000.000	-	10.328	-	229.633	-	229.633	1.229.633	229.633
36 / 72	-	-	1.000.000	-	-	-	216.670	-	216.670	1.000.000	216.670
37 / 73	-	-	1.000.000	-	-	-	199.136	-	199.136	1.000.000	199.136
38 / 74	-	-	1.000.000	-	-	-	178.566	-	178.566	1.000.000	178.566
39 / 75	-	-	1.000.000	-	-	-	154.378	-	154.378	1.000.000	154.378
40 / 76	-	-	1.000.000	-	7.395	-	133.354	-	133.354	1.000.000	133.354
41 / 77	-	-	1.000.000	-	-	-	100.396	-	100.396	1.000.000	100.396
42 / 78	-	-	1.000.000	-	-	-	61.806	-	61.806	1.000.000	61.806
43 / 79	-	-	1.000.000	-	-	-	16.568	-	16.568	1.000.000	16.568
44 / 80	-	-		-	-	-	-		(**)		(**)
Tổng/ Cộng dồn	258.800	239.390		38.820	53.487	-					

Ngoài QLBH Từ Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm, Prudential sẽ chi trả QLBH TTTTBVV Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm với số tiền là 100 triệu đồng. Vui lòng tham khảo thêm mức chi trả đối với quyền lợi này cho tất cả các Hợp Đồng Bảo Hiểm Trùng Quyền Lợi tại Điều 1.2.1 (iii) tại Quy Tắc và Điều Khoản của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính.

(**) Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng (minh họa ở mức lãi suất dự kiến) sau khi trừ đi Phí Quản Lý Hợp Đồng và các chi phí khác, nếu có, nhỏ hơn 0.

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

3. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM THEO THỜI HẠN BẢO HIỂM (64 NĂM)

3.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng

Phí Bảo Hiểm được khách hàng đóng (bao gồm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm, nếu có) sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu, nếu có, sẽ được đem đi phân bổ vào GTTK Cơ Bản/ GTTK Đóng Thêm. Phí Quản Lý Hợp Đồng và Phí Rủi Ro sẽ được khấu trừ hàng tháng từ GTTK Hợp Đồng.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HD/ Tuổi NDBH chính	Phí Bảo Hiểm			Phí Ban Đầu			Phí Bảo Hiểm Được Phân Bố			Phí Quản Lý Hợp Đồng	Phí Rủi Ro
	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí ban đầu	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Tổng Phí Bảo Hiểm đem đi đầu tư		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu
1 / 37	12.940	-	12.940	6.470	-	6.470	6.470	-	6.470	538	1.493
2 / 38	12.940	-	12.940	3.882	-	3.882	9.058	-	9.058	562	1.612
3 / 39	12.940	-	12.940	2.588	-	2.588	10.352	-	10.352	586	1.754
4 / 40	12.940	-	12.940	2.588	-	2.588	10.352	-	10.352	610	1.911
5 / 41	12.940	-	12.940	2.588	-	2.588	10.352	-	10.352	634	2.082
6 / 42	12.940	-	12.940	259	-	259	12.681	-	12.681	658	2.261
7 / 43	12.940	-	12.940	259	-	259	12.681	-	12.681	682	2.442
8 / 44	12.940	-	12.940	259	-	259	12.681	-	12.681	706	2.622
9 / 45	12.940	-	12.940	259	-	259	12.681	-	12.681	730	2.814
10 / 46	12.940	-	12.940	259	-	259	12.681	-	12.681	754	3.006
11 / 47	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	778	3.206
12 / 48	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	802	3.428
13 / 49	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	826	3.665
14 / 50	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	3.921
15 / 51	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	4.201
16 / 52	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	4.510
17 / 53	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	4.857
18 / 54	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	5.228
19 / 55	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	5.606
20 / 56	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	5.987
21 / 57	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	6.358
22 / 58	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	6.718
23 / 59	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	7.091
24 / 60	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	7.517
25 / 61	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	8.034

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

3. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM THEO THỜI HẠN BẢO HIỂM (64 NĂM)

3.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng

Phí Bảo Hiểm được khách hàng đóng (bao gồm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm, nếu có) sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu, nếu có, sẽ được đem đi phân bổ vào GTTK Cơ Bản/ GTTK Đóng Thêm. Phí Quản Lý Hợp Đồng và Phí Rủi Ro sẽ được khấu trừ hàng tháng từ GTTK Hợp Đồng.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HD/ Tuổi NDBH chính	Phí Bảo Hiểm			Phí Ban Đầu			Phí Bảo Hiểm Được Phân Bố			Phí Quản Lý Hợp Đồng	Phí Rủi Ro
	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí ban đầu	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Tổng Phí Bảo Hiểm đem đi đầu tư		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu
26 / 62	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	8.682
27 / 63	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	9.492
28 / 64	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	10.444
29 / 65	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	11.496
30 / 66	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	12.606
31 / 67	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	13.742
32 / 68	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	14.888
33 / 69	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	16.103
34 / 70	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	17.492
35 / 71	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	19.152
36 / 72	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	11.578
37 / 73	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	14.792
38 / 74	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	16.632
39 / 75	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	18.786
40 / 76	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	21.243
41 / 77	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	23.066
42 / 78	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	26.046
43 / 79	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	29.492
44 / 80	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	33.604
45 / 81	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	38.640
46 / 82	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	43.290
47 / 83	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	50.828
48 / 84	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	60.261
49 / 85	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	72.038
50 / 86	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	86.806

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

3. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM THEO THỜI HẠN BẢO HIỂM (64 NĂM)

3.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng

Phí Bảo Hiểm được khách hàng đóng (bao gồm Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm, nếu có) sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu, nếu có, sẽ được đem đi phân bổ vào GTTK Cơ Bản/ GTTK Đóng Thêm. Phí Quản Lý Hợp Đồng và Phí Rủi Ro sẽ được khấu trừ hàng tháng từ GTTK Hợp Đồng.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HD/ Tuổi NDBH chính	Phí Bảo Hiểm			Phí Ban Đầu			Phí Bảo Hiểm Được Phân Bố			Phí Quản Lý Hợp Đồng	Phí Rủi Ro
	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Tổng phí ban đầu	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu	Tổng Phí Bảo Hiểm đem đi đầu tư		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu
51 / 87 52 / 88	12.940	-	12.940	-	-	-	12.940	-	12.940	840	103.155 (**)
Tổng/Cộng dồn	659.940	-	659.940	19.410	-	19.410	640.530	-	640.530	40.786	886.677

(**) Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng sau khi trừ đi Phí Quản Lý Hợp Đồng và các chi phí khác, nếu có, nhỏ hơn 0.

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

3. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐỒNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM THEO THỜI HẠN BẢO HIỂM (64 NĂM)

3.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NĐBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bổ/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu ⁽¹⁾								
			QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản (3)	GTTK Động Thêm (4)	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾	Tổng QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
1 / 37	12.940	6.470	1.000.000	-	-	-	4.628	-	4.628	1.004.628	-
2 / 38	25.880	15.528	1.000.000	-	-	-	11.887	-	11.887	1.011.887	241
3 / 39	38.820	25.880	1.000.000	-	-	-	20.530	-	20.530	1.020.530	14.060
4 / 40	51.760	36.232	1.000.000	-	-	-	29.099	-	29.099	1.029.099	24.570
5 / 41	64.700	46.584	1.000.000	-	-	-	37.685	-	37.685	1.037.685	34.450
6 / 42	77.640	59.265	1.000.000	-	-	-	48.668	-	48.668	1.048.668	46.727
7 / 43	90.580	71.946	1.000.000	-	-	-	59.718	-	59.718	1.059.718	59.718
8 / 44	103.520	84.628	1.000.000	-	-	-	70.483	-	70.483	1.070.483	70.483
9 / 45	116.460	97.309	1.000.000	-	-	-	81.245	-	81.245	1.081.245	81.245
10 / 46	129.400	109.990	1.000.000	19.410	-	-	111.415	-	111.415	1.111.415	111.415
11 / 47	142.340	122.930	1.000.000	-	-	-	122.815	-	122.815	1.122.815	122.815
12 / 48	155.280	135.870	1.000.000	-	-	-	134.195	-	134.195	1.134.195	134.195
13 / 49	168.220	148.810	1.000.000	-	-	-	145.539	-	145.539	1.145.539	145.539
14 / 50	181.160	161.750	1.000.000	-	-	-	156.837	-	156.837	1.156.837	156.837
15 / 51	194.100	174.690	1.000.000	9.705	-	-	177.782	-	177.782	1.177.782	177.782
16 / 52	207.040	187.630	1.000.000	-	-	-	187.251	-	187.251	1.187.251	187.251
17 / 53	219.980	200.570	1.000.000	-	-	-	196.466	-	196.466	1.196.466	196.466
18 / 54	232.920	213.510	1.000.000	-	-	-	205.400	-	205.400	1.205.400	205.400
19 / 55	245.860	226.450	1.000.000	-	-	-	214.043	-	214.043	1.214.043	214.043
20 / 56	258.800	239.390	1.000.000	9.705	8.280	-	240.374	-	240.374	1.240.374	240.374
21 / 57	271.740	252.330	1.000.000	-	-	-	248.611	-	248.611	1.248.611	248.611
22 / 58	284.680	265.270	1.000.000	-	-	-	256.568	-	256.568	1.256.568	256.568
23 / 59	297.620	278.210	1.000.000	-	-	-	264.230	-	264.230	1.264.230	264.230
24 / 60	310.560	291.150	1.000.000	-	-	-	271.540	-	271.540	1.271.540	271.540
25 / 61	323.500	304.090	1.000.000	9.705	10.655	-	298.763	-	298.763	1.298.763	298.763

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

3. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM THEO THỜI HẠN BẢO HIỂM (64 NĂM)

3.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NDBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bổ/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu ⁽¹⁾								
			QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản (3)	GTTK Động Thêm (4)	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾	Tổng QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyến Giáp Giai Đoạn Sớm	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
26 / 62	336.440	317.030	1.000.000	-	-	-	305.247	-	305.247	1.305.247	305.247
27 / 63	349.380	329.970	1.000.000	-	-	-	310.982	-	310.982	1.310.982	310.982
28 / 64	362.320	342.910	1.000.000	-	-	-	315.817	-	315.817	1.315.817	315.817
29 / 65	375.260	355.850	1.000.000	-	-	-	319.643	-	319.643	1.319.643	319.643
30 / 66	388.200	368.790	1.000.000	9.705	12.748	-	344.844	-	344.844	1.344.844	344.844
31 / 67	401.140	381.730	1.000.000	-	-	-	346.703	-	346.703	1.346.703	346.703
32 / 68	414.080	394.670	1.000.000	-	-	-	347.428	-	347.428	1.347.428	347.428
33 / 69	427.020	407.610	1.000.000	-	-	-	346.938	-	346.938	1.346.938	346.938
34 / 70	439.960	420.550	1.000.000	-	-	-	345.048	-	345.048	1.345.048	345.048
35 / 71	452.900	433.490	1.000.000	9.705	14.077	-	365.251	-	365.251	1.365.251	365.251
36 / 72	465.840	446.430	1.000.000	-	-	-	369.492	-	369.492	1.000.000	369.492
37 / 73	478.780	459.370	1.000.000	-	-	-	370.542	-	370.542	1.000.000	370.542
38 / 74	491.720	472.310	1.000.000	-	-	-	369.753	-	369.753	1.000.000	369.753
39 / 75	504.660	485.250	1.000.000	-	-	-	366.791	-	366.791	1.000.000	366.791
40 / 76	517.600	498.190	1.000.000	9.705	14.967	-	386.001	-	386.001	1.000.000	386.001
41 / 77	530.540	511.130	1.000.000	-	-	-	378.898	-	378.898	1.000.000	378.898
42 / 78	543.480	524.070	1.000.000	-	-	-	368.729	-	368.729	1.000.000	368.729
43 / 79	556.420	537.010	1.000.000	-	-	-	354.994	-	354.994	1.000.000	354.994
44 / 80	569.360	549.950	1.000.000	-	-	-	336.989	-	336.989	1.000.000	336.989
45 / 81	582.300	562.890	1.000.000	9.705	14.548	-	337.994	-	337.994	1.000.000	337.994
46 / 82	595.240	575.830	1.000.000	-	-	-	310.082	-	310.082	1.000.000	310.082
47 / 83	608.180	588.770	1.000.000	-	-	-	274.314	-	274.314	1.000.000	274.314
48 / 84	621.120	601.710	1.000.000	-	-	-	228.706	-	228.706	1.000.000	228.706
49 / 85	634.060	614.650	1.000.000	-	-	-	170.804	-	170.804	1.000.000	170.804
50 / 86	647.000	627.590	1.000.000	9.705	9.819	-	117.003	-	117.003	1.000.000	117.003

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

3. TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM THEO THỜI HẠN BẢO HIỂM (64 NĂM)

3.2. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ/ Tuổi NDBH chính	Tổng Phí Bảo Hiểm đã đóng	Tổng Phí Bảo Hiểm Được Phân Bổ/ đem đi đầu tư	Quyền lợi tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu ⁽¹⁾								
			QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm	Thưởng Tri Ân Khách Hàng	Thưởng Duy Trì Hợp Đồng	Rút tiền (2)	GTTK Cơ Bản (3)	GTTK Đóng Thêm (4)	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng ⁽³⁾⁺⁽⁴⁾	Tổng QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm	Giá Trị Hoàn Lại ⁽⁵⁾
51 / 87 52 / 88	659.940 -	640.530 -	1.000.000	- -	- -	- -	26.706 -	- -	26.706 (**)	1.000.000	26.706 (**)
Tổng/ Cộng đồn	659.940	640.530		97.050	85.094	-					

Ngoài QLBH Tử Vong/TTTBVV Không Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm, Prudential sẽ chi trả QLBH TTTBVV Do Ung Thư Tuyển Giáp Giai Đoạn Sớm với số tiền là 100 triệu đồng. Vui lòng tham khảo thêm mức chi trả đối với quyền lợi này cho tất cả các Hợp Đồng Bảo Hiểm Trùng Quyền Lợi tại Điều 1.2.1 (iii) tại Quy Tắc và Điều Khoản của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính.

(**) Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng sau khi trừ đi Phí Quản Lý Hợp Đồng và các chi phí khác, nếu có, nhỏ hơn 0.

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Ghi chú:

Các giá trị trong các bảng minh họa quyền lợi bên trên được tính toán trên cơ sở cuối Năm Hợp Đồng, dựa trên giả định Phí Bảo Hiểm Cơ Bản được đóng đầy đủ vào mỗi Năm Hợp Đồng và theo định kỳ đóng phí năm, Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm dự kiến được đóng đầy đủ vào đầu mỗi Năm Hợp Đồng, không có giao dịch nào làm thay đổi GTTK Hợp Đồng. Do đó, tùy thuộc vào Phí Bảo Hiểm Cơ Bản thực đóng, Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm thực đóng, số tiền rút từ GTTK Hợp Đồng thực tế, thời điểm đóng phí, định kỳ đóng phí của Khách hàng và kết quả đầu tư của Quỹ Liên Kết Chung, GTTK Hợp Đồng có thể sẽ khác. Do đó, GTTK Hợp Đồng là không đảm bảo.

Quyền Lợi Bảo Hiểm đảm bảo theo Quy Tắc và Điều Khoản Sản Phẩm: trong mọi trường hợp, tất cả các Quyền Lợi Bảo Hiểm sẽ được đảm bảo, và được chi trả theo các quy định, điều kiện của Quy Tắc và Điều Khoản Sản Phẩm.

Đối với Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính, việc tăng phí sẽ không làm thay đổi Phí Bảo Hiểm Cơ Bản nhưng sẽ làm tăng khoản Phí Rủi Ro và làm giảm GTTK Hợp Đồng. Phí Rủi Ro trong các bảng minh họa về khoản phí tính cho Khách hàng không bao gồm phần tăng phí vì lý do sức khỏe.

(1) Mức lãi suất đầu tư dự kiến 3,5%/năm và 4,75%/năm không được đảm bảo và chỉ mang tính chất minh họa. Từ Năm Hợp Đồng 21 trở đi, GTTK Hợp Đồng được tính dựa trên mức Lãi Suất Đầu Tư Cam Kết Tối Thiểu tại Năm Hợp Đồng tương ứng. Mức lãi suất thực tế từ kết quả hoạt động của Quỹ Liên Kết Chung được công bố có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức lãi suất minh họa nhưng sẽ đảm bảo không thấp hơn mức Lãi Suất Đầu Tư Cam Kết Tối Thiểu quy định trong bảng sau:

Năm Hợp Đồng	1	2 - 3	4 - 7	8 - 15	16+
Lãi Suất Đầu Tư Cam Kết Tối Thiểu (%/năm)	3,5%	3,0%	2,5%	2,0%	1,0%

(2) Trong thời hạn có hiệu lực của Hợp Đồng Bảo Hiểm, BMBH có thể yêu cầu rút tiền bất kỳ lúc nào đối với GTTK Đóng Thêm và sau Thời Hạn Cân Nhắc đối với GTTK Cơ Bản. Số tiền rút từ GTTK Cơ Bản không lớn hơn 80% hiệu số của GTTK Cơ Bản và Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn tại mỗi thời điểm yêu cầu rút hoặc không lớn hơn mức quy định của Prudential tại từng thời điểm được công bố tại trang thông tin điện tử của Prudential, tùy mức nào thấp hơn. Việc rút tiền từ GTTK Hợp Đồng sẽ được thực hiện theo thứ tự từ GTTK Đóng Thêm trước, nếu số tiền yêu cầu rút vượt quá 100% GTTK Đóng Thêm, phần vượt quá sẽ tiếp tục được rút từ GTTK Cơ Bản. Đối với Kế Hoạch Bảo Hiểm Cơ Bản, sau khi rút tiền từ GTTK Cơ Bản, STBH và Phí Bảo Hiểm Cơ Bản có thể được điều chỉnh giảm theo quy định tại Quy tắc Điều khoản Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính.

(3) GTTK Cơ Bản đã khấu trừ Phí Quản Lý Hợp Đồng, Phí Rủi Ro, khoản rút tiền (nếu có), và đã bao gồm các khoản lãi tích lũy, khoản Thương Duyệt Trì Hợp Đồng và khoản Thương Trì Ân Khách Hàng, nếu có.

(4) GTTK Đóng Thêm đã khấu trừ Phí Quản Lý Hợp Đồng, Phí Rủi Ro, khoản rút tiền (nếu có) và bao gồm các khoản lãi tích lũy và khoản Thương Duyệt Trì Hợp Đồng, nếu có.

(5) Giá Trị Hoàn Lại là số tiền Bên Mua Bảo Hiểm sẽ nhận khi HĐBH chấm dứt hiệu lực trước thời hạn. Giá Trị Hoàn Lại bằng GTTK Hợp Đồng vào ngày chấm dứt HĐBH trừ đi Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn.

IV. MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

1. **Kê khai chính xác các thông tin cần thiết**

BMBH/NĐBH có trách nhiệm kê khai đầy đủ, chính xác và trung thực tất cả các thông tin cần thiết để Prudential đánh giá khả năng chấp nhận bảo hiểm cho HĐBH. Việc thăm định sức khỏe, nếu có, không thay thế cho nghĩa vụ kê khai trung thực của BMBH/NĐBH theo quy định tại điều này. Nếu vi phạm nghĩa vụ trên, tùy từng trường hợp, Prudential sẽ có quyền không chịu trách nhiệm bảo hiểm hoặc hoặc chấp thuận bảo hiểm có điều kiện hoặc vẫn chấp thuận bảo hiểm.

2. **Thời hạn cần nhắc**

Trong vòng 21 ngày kể từ ngày BMBH ký xác nhận đã nhận được bản giấy của một số tài liệu của Bộ HĐBH theo quy định tại Quy Tắc và Điều Khoản Sản Phẩm, BMBH có quyền từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm. Trong trường hợp này, HĐBH sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm Prudential xác nhận bằng văn bản yêu cầu nêu trên, và Prudential sẽ hoàn lại cho BMBH (tổng) phí bảo hiểm đã đóng của Sản Phẩm này, không có lãi, sau khi trừ đi các chi phí khám, xét nghiệm y khoa, nếu có.

3. **Đảm bảo hiệu lực của sản phẩm chính**

Trong 04 Năm Hợp Đồng đầu tiên, HĐBH sẽ được đảm bảo duy trì hiệu lực với điều kiện BMBH đầy đủ và đúng hạn Phí Bảo Hiểm Cơ Bản của 04 Năm Hợp Đồng đầu tiên và không thực hiện rút tiền từ GTTK Cơ Bản.

4. **Mất hiệu lực HĐBH**

Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực khi sau 60 ngày gia hạn đóng phí:

(i) GTTK Hợp Đồng không đủ để trả Phí Rủi Ro, Phí Quản Lý Hợp Đồng, và (các) Khoản Nợ, nếu có (trừ trường hợp nêu trong mục 3. Bảo đảm hiệu lực của sản phẩm chính bên trên); hoặc

(ii) BMBH vẫn không nộp đủ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản đến hạn, nếu HĐBH đang ở trong 04 Năm Hợp Đồng đầu tiên.

BMBH có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực HĐBH trong vòng 24 tháng kể từ ngày HĐBH mất hiệu lực theo quy định tại Quy Tắc và Điều Khoản Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính. Khi đó, Prudential có quyền chấp nhận hoặc từ chối khôi phục nếu BMBH và NĐBH không thỏa điều kiện tham gia bảo hiểm.

5. **Một số điểm quan trọng khác**

Việc giao kết một HĐBH Liên Kết Chung là một cam kết dài hạn. BMBH không nên chỉ duy trì HĐBH trong thời gian ngắn hạn vì các khoản phí phải trả có thể rất cao trong thời gian đầu của HĐBH, việc tạm ngưng đóng phí hay hủy bỏ HĐBH có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí đã đóng.

BMBH vui lòng lưu ý về các quy định tại hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm quyền và nghĩa vụ khi tham gia bảo hiểm, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin. Nội dung cơ bản trên đây chỉ mang tính chất tham khảo. Chi tiết về quyền lợi, điều khoản loại trừ và các nội dung cơ bản khác của (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên được quy định cụ thể trong Quy Tắc và Điều Khoản Sản Phẩm của từng sản phẩm bảo hiểm tương ứng và Quy Tắc và Điều Khoản Chung Áp Dụng Cho Bảo Hiểm Bán Cùng.



XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN VIÊN	XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM
- Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã phân tích nhu cầu tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của khách hàng có tên nêu trên một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng. - Tôi xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Bảng minh họa này cũng như nội dung của Quy Tắc và Điều Khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm và Quy Tắc và Điều Khoản Chung Áp Dụng Cho Bảo Hiểm Bán Cùng.	- Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã được Tư vấn viên có tên nêu trên phân tích về nhu cầu tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của tôi một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng. Tôi có khả năng tài chính để đóng phí bảo hiểm cho Hợp Đồng Bảo Hiểm này. - Tôi xác nhận đã biết và đã được Tư vấn viên giới thiệu và hướng dẫn về công cụ tính toán trên trang tinhphibaohiem.prudential.com.vn giúp tôi có thể tự xây dựng được kế hoạch bảo hiểm và tham khảo các Quy Tắc và Điều Khoản của sản phẩm bảo hiểm và Quy Tắc và Điều Khoản Chung Áp Dụng Cho Bảo Hiểm Bán Cùng mà tôi dự kiến tham gia. - Tôi xác nhận đã đọc kỹ và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Bảng minh họa này cũng như nội dung của Quy Tắc và Điều Khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm và Quy Tắc và Điều Khoản Chung Áp Dụng Cho Bảo Hiểm Bán Cùng. Tôi đã hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của tôi khi tham gia sản phẩm bảo hiểm này. - Tôi hiểu GTTK Hợp Đồng tùy thuộc vào Phí Bảo Hiểm Cơ Bản thực đóng, Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm thực đóng, số tiền rút từ GTTK Hợp Đồng thực tế, thời điểm đóng phí, định kỳ đóng phí của Khách hàng và kết quả đầu tư của Quỹ Liên Kết Chung, nên Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Bảng minh họa này. - Tôi hiểu Hợp Đồng Bảo Hiểm sẽ mất hiệu lực nếu xảy ra trường hợp nêu tại Điều 4, Mục IV – Một số lưu ý quan trọng bên trên. - Tôi đồng ý tham gia (các) sản phẩm bảo hiểm này với chi tiết được trình bày và cam kết sẽ thực hiện các nghĩa vụ của Hợp Đồng Bảo Hiểm.
Xác nhận của TVV (Mã xác thực OTP) 60000012 Ngày: 19/06/2026 10:07:20 Họ và tên: NGUYỄN VĂN AB Mã số: 60000012	Xác nhận của BMBH (Mã xác thực OTP) Ngày: Họ và tên: Chị A Số điện thoại:
BẢNG MINH HỌA NÀY LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VÀ CHỈ CÓ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ KHI CÓ ĐẦY ĐỦ SỐ TRANG VÀ CHỮ KÝ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM	